

Số: *3203* /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày *18* tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 21/11/2007, Quốc hội Khóa XII kỳ họp thứ 2 đã thông qua Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008. Để triển khai thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành hơn 200 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành gần 50 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó không bao gồm ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện. Qua gần 15 năm thực hiện các quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày càng được nâng lên, sản phẩm, hàng hóa được kiểm soát chặt chẽ từ khâu trước khi đưa ra thị trường cho đến khâu sau khi đưa ra thị trường. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng), cũng như hoạt động tôn vinh, khen thưởng về chất lượng cho các tổ chức, cá nhân, trong đó có Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) từ cấp địa phương cho đến Trung ương.

Tuy nhiên, qua hơn 15 năm triển khai pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hệ thống pháp luật đã xuất hiện nhiều bất cập và vướng mắc trong thực tiễn cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu thay đổi và hội nhập quốc tế trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ tự do hóa thương mại và sự thực thi của các Hiệp định thương mại tự do. Việc triển khai các nguyên tắc quản lý chất lượng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các thông lệ quốc tế còn chưa được triển khai triệt để. Một số Bộ, ngành chưa tách biệt hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa với hoạt động đánh giá sự phù hợp. Việc phân công trách nhiệm quản lý giữa các Bộ, ngành chưa được phân định rõ ràng đối với một số sản phẩm, hàng hóa phát sinh trong thực tế.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các Bộ quản lý chuyên ngành còn thể hiện nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc tách biệt giữa hoạt động kiểm tra nhà nước



về chất lượng sản phẩm, hàng hóa với hoạt động dịch vụ kỹ thuật - hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng, công nhận) chưa thực sự minh bạch dẫn đến sự chông chéo, vướng mắc và còn nhiều rào cản trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, không tận dụng được tối đa nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước. Hoạt động GTCLQG mặc dù là hoạt động giải thưởng duy nhất được quy định ở cấp Nghị định tuy nhiên chưa thực sự lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng doanh nghiệp, chưa phát huy được giá trị của giải thưởng.

Hoạt động mã số, mã vạch (MSMV) chưa phát huy được tối ưu giá trị, chưa đẩy mạnh được việc khai thác dữ liệu MSMV, ứng dụng các công cụ, giải pháp triển khai MSMV cho doanh nghiệp.

Việt Nam đã và đang tham gia hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Việc tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trở thành nhu cầu tất yếu trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Điều này đòi hỏi việc đạt sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam là trọng tâm phát triển kinh tế, đẩy mạnh việc cải thiện môi trường kinh doanh với vai trò kiến tạo của Chính phủ. Ngược lại, việc xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, bền vững cũng được thể hiện thông qua sự cân bằng lợi ích giữa các doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp sản xuất trong nước. Quyền lợi của người tiêu dùng ngày càng được đảm bảo và bảo vệ. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đa dạng, phong phú đáp ứng đầy đủ các nhu cầu khác nhau của nhân dân. Sản phẩm, hàng hóa có nguy cơ gây mất an toàn được kiểm soát, hạn chế tối đa rủi ro ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân.

Căn cứ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trong đó, Phụ lục của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP đã chỉ rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 2017/BKHCN-TĐC ngày 30/7/2021, Công văn số 3211/BKHCN-TĐC ngày 10/11/2021 và Công văn số 162/BKHCN-TĐC ngày 26/01/2022 gửi các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đánh giá tình hình thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đồng thời chỉ ra các bất cập, hạn chế và đưa ra các đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện.

Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các cuộc họp và 02 hội thảo tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh để lấy ý kiến trực tiếp của các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia độc lập, các tổ chức dịch vụ, các doanh nghiệp, cá nhân.

Qua các thông tin, số liệu, đánh giá, nhận định được thể hiện trong Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai luật của các Bộ, ngành, địa phương; ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan; báo cáo kết quả của các cuộc tọa đàm, hội nghị tổng kết cũng như thực tiễn hoạt động của cơ quan chuyên môn là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Phần thứ nhất

NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

I. Những kết quả đạt được trong quá trình thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Để hướng dẫn triển khai pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Bộ KH&CN đã trình Chính phủ ban hành 57 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; ban hành theo thẩm quyền của các Bộ, ngành 201 Thông tư, 04 Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; phối hợp ban hành 07 Thông tư liên tịch (*Chi tiết được nêu tại Phụ lục I kèm theo*).

Cho đến nay, về cơ bản hệ thống các văn bản hướng dẫn luật nêu trên đã được hoàn thiện, góp phần thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động chất lượng, quản lý nhà nước về chất lượng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động chất lượng, đổi mới phương thức quản lý chất lượng theo hướng tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp; bảo đảm quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước nhà nước và người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm và hàng hóa của mình; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời xác định trách nhiệm và phân công hợp lý giữa các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể:

a) Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

- Đã giúp cho hoạt động này dần đi vào nề nếp, có sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước.

- Phân công trách nhiệm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Quản lý chặt chẽ các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) bằng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành. Các quy chuẩn kỹ thuật trên đã góp phần đưa ra các biện pháp quản lý thống nhất đối với các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, đảm bảo sức khỏe, vệ sinh, môi trường cho người sử dụng.

- Quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp thông qua việc đăng ký lĩnh vực hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp có năng lực, đã được đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và đáp ứng yêu cầu quy định sẽ được các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, chỉ định thực hiện đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước. Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã có tác động tích cực đến hoạt động đánh giá sự phù hợp trong nước như: tạo cơ sở pháp lý để quản lý hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp

hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và phục vụ quản lý nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; bước đầu chuẩn hóa năng lực và tạo cơ chế bình đẳng cho hoạt động các tổ chức đánh giá sự phù hợp; định hướng phát triển cho hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa làm nền tảng cho phát triển kinh tế và hội nhập với thông lệ chung của hoạt động đánh giá sự phù hợp trong khu vực và trên thế giới.

- Hoạt động kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá và hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp được phân định rõ ràng. Cơ quan kiểm tra không thực hiện hoạt động dịch vụ kỹ thuật (đánh giá sự phù hợp); tổ chức đánh giá sự phù hợp chỉ đơn thuần là đơn vị kỹ thuật thực hiện đánh giá sự phù hợp, không thực hiện thay công việc của cơ quan kiểm tra. Việc phân định rõ này giúp cho cơ quan quản lý nhà nước quản lý được hoạt động đánh giá sự phù hợp, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao vai trò quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên môn đối với lĩnh vực quản lý chất lượng hàng hóa được phân công.

- Đã chỉ đạo, tăng cường tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo kế hoạch, đột xuất, chuyên đề như chất lượng xăng dầu, điện, điện tử, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, và một số hàng hóa khác như dầu nhờn, phân bón, thực phẩm... Đã triển khai đồng bộ các hoạt động kiểm tra trong sản xuất, lưu thông, nhập khẩu.

- Tôn vinh xứng đáng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực chất lượng: GTCLQG được xét tặng hàng năm cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu lực và hiệu quả các mô hình, hệ thống quản lý tiên tiến; có thành tích nổi bật trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động; hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới; và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Các doanh nghiệp được đề cử tham gia và đạt GTCLQG là những doanh nghiệp tiêu biểu của địa phương, tham gia và đóng góp tích cực cho hoạt động năng suất - chất lượng tại địa phương và cả nước.

b) Đối với doanh nghiệp:

- Nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa do chính mình sản xuất, nhập khẩu.

- Kiểm soát được sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, nhập khẩu.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ như cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mặt hàng, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng mạng lưới phân phối, gia tăng các công tác khuyến mãi... nhằm cung ứng cho người tiêu dùng những sản phẩm ngày càng có chất lượng hơn, mặt hàng phong phú hơn, mẫu mã bắt mắt hơn, mặt hàng dễ làm quen và nhất là dễ tìm mua hơn. Một số không nhỏ doanh nghiệp đã được cấp chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế... Đồng thời đã tạo lòng tin và uy tín đối với thương hiệu của mình thông qua việc thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa như công bố tiêu chuẩn áp dụng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, gắn dấu hợp quy (CR) đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

- GTCLQG là một công cụ góp phần nâng cao năng suất - chất lượng của doanh nghiệp: GTCLQG luôn trở thành một hoạt động năng suất - chất lượng hiệu quả và liên tục tại các địa phương trong cả nước. Các doanh nghiệp được đề cử tham gia GTCLQG là những doanh nghiệp tiêu biểu của địa phương, tham gia và đóng góp tích cực cho hoạt động năng suất - chất lượng tại địa phương và cả nước, áp dụng thành công các công cụ, mô hình và hệ thống quản lý tiên tiến. GTCLQG giúp lãnh đạo doanh nghiệp nhận thức đúng lợi ích của việc áp dụng các hệ thống quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động mọi nguồn lực sẵn có, chỉ đạo và lôi cuốn mọi người cùng tham gia xây dựng, áp dụng và hoàn thiện hệ thống quản lý nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, luôn thoả mãn các yêu cầu của khách hàng.

- Áp dụng MSMV lên sản phẩm, dịch vụ và địa điểm của mình phục vụ cho việc phân định và thu nhận dữ liệu tự động, tạo thuận lợi cho quá trình quản lý, sản xuất, kinh doanh, bán hàng, đáp ứng nhu cầu của bạn hàng trong nước và quốc tế.

c) Đối với người tiêu dùng:

- Người tiêu dùng được bảo vệ quyền lợi hợp pháp khi được người bán, người sản xuất, nhập khẩu cung cấp hàng hóa không đảm bảo chất lượng như một số vụ vi phạm có phạm vi ảnh hưởng lớn tới người tiêu dùng như vụ sữa melamine trẻ em; vụ gian lận trong đo lường và kinh doanh sản phẩm xăng dầu; vụ mũ bảo hiểm không đảm bảo an toàn chất lượng...

- Người tiêu dùng được bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng.

- Người tiêu dùng được lựa chọn sản phẩm, hàng hóa có chất lượng, bảo đảm an toàn cho mình trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng sản phẩm, hàng hóa. Trước đây khi một số hàng ngoại nhập ồ ạt đổ vào Việt Nam với giá rẻ, phổ biến là các mặt hàng tiêu dùng, từ các đồ điện tử, xe máy, xe đạp, điện thoại di động, cho đến các sản phẩm gia dụng, quần áo, thực phẩm, trái cây... người tiêu dùng Việt Nam đổ xô đi mua sắm. Người tiêu dùng thấy giá cả vừa phải, chấp nhận được, còn người bán, vốn ít lời cao càng tạo cơ hội cho hàng ngoại nhập hiện diện và làm đầu đầu không ít các nhà sản xuất trong nước cũng như các nhà nhập khẩu. Nhưng nay, chính người tiêu dùng đã phát hiện và cẩn thận hơn khi lựa chọn hàng ngoại nhập và đã quay sang lựa chọn hàng Việt Nam có chất lượng để sử dụng.

2. Công tác tổ chức thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2.1. Công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được ban hành, công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành được các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương cũng như các Bộ, ngành có liên quan tích cực triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức hội thảo, tọa đàm, trả lời phỏng vấn, xây dựng chuyên

mục hỏi-đáp, tổ chức các lớp tập huấn, biên soạn tài liệu và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...

a) Tại các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực

- Tại Bộ Khoa học và Công nghệ, 100% văn bản quy phạm pháp luật ban hành được tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hoạt động viết bài, trả lời phỏng vấn, làm phóng sự... trên các phương tiện thông tin đại chúng (các báo, tạp chí thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; các báo, đài như: Thông tấn xã Việt Nam, Hà Nội mới, Tiền phong, Công Thương, Đầu tư, Giao thông vận tải, Thời báo kinh tế, Hải quan; truyền hình VTV1, VTV2, TTXVN, VoV, VTC, Đài tiếng nói Việt Nam...) cũng như tổ chức các cuộc hội thảo phổ biến văn bản và nghiệp vụ triển khai thi hành cho các Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp, cá nhân liên quan và giải đáp các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Việc thi hành pháp luật càng được nâng cao, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật ngày càng được củng cố theo hướng tích cực. Các sản phẩm, kết quả cụ thể:

+ Số hội nghị, hội thảo, tập huấn: khoảng 1.200 cuộc với sự tham gia của khoảng 83.000 lượt đại biểu;

+ Bài báo trong nước (đăng trên Tạp chí tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tạp chí KH&CN, Tạp chí Tài chính, Tạp chí Kế hoạch Đầu tư, Thương mại, Công Thương...): 561 bài;

+ Tin, bài trên báo điện tử, mạng xã hội: 10.094 tin, bài;

+ Bản tin, tờ rơi năng suất chất lượng: khoảng 30.000 bản tin;

+ Các chuyên đề, phóng sự, tọa đàm, game show trên truyền hình: 300 chương trình các loại;

+ Video, phóng sự, tọa đàm về năng suất chất lượng: 391 video;

+ Các chương trình giao lưu trực tuyến: 46 chương trình;

+ Poster tuyên truyền: 12 mẫu/22.000 bản in;

+ Sổ tay, cẩm nang: khoảng 10.000 cuốn.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền đã cung cấp các thông tin hữu ích, giúp các doanh nghiệp nâng cao nhận thức, cách thức tiếp cận với các phương pháp quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao kỹ năng để triển khai các hoạt động quản lý chất lượng theo hướng hội nhập. Các thông tin về khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới như các tiêu chuẩn quốc tế, các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các văn bản khác của Nhà nước được cung cấp thường xuyên, kịp thời cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nắm bắt và áp dụng kịp thời.

- Một số Bộ, ngành đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến như Bộ Công Thương đã thực hiện đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương như: các văn bản về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng

hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; các quy chuẩn kỹ thuật về dệt may, sản xuất khăn giấy và giấy vệ sinh; vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất... Do đó, các doanh nghiệp từng bước nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và áp dụng đánh giá sự phù hợp vào sản phẩm, hàng hóa của mình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng góp phần làm cho chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày càng được nâng cao.

b) Tại địa phương

Một số tỉnh, thành phố đã triển khai kịp thời việc tuyên truyền, phổ biến Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn luật, đơn đốc, hướng dẫn các sở ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật với nhiều hình thức khác nhau: tổ chức hội nghị, lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề, băng rôn, tờ rơi, áp phích, pano, phổ biến trong quá trình thanh tra, phát trên đài phát thanh, truyền hình, đưa tin, bài, phóng sự trên báo chí, trang thông tin điện tử, cập nhật thông tin thường xuyên lên cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn... hoặc thông báo bằng văn bản, cập nhật website và xây dựng văn bản pháp luật để cụ thể hóa tại địa phương (Bắc Kạn, Lào Cai, Lai Châu, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Quảng Trị, Đắk Lắk, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Tháp, Long An, Bạc Liêu, Gia Lai, Bình Phước, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Tây Ninh...).

Hiệu quả từ công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng pháp luật tốt song hành với việc kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật được các cơ quan chuyên môn tổ chức thường xuyên nên cơ bản hạn chế được hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, các doanh nghiệp tại địa phương từng bước nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng như sự phù hợp của các sản phẩm đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các Bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã hoàn thiện, góp phần đổi mới nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thúc đẩy, hỗ trợ tạo động lực, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh có hiệu quả; góp phần chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; khắc phục các kẽ hở của chính sách, pháp luật, ngăn ngừa, hạn chế những vi phạm pháp luật. Qua công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các Bộ, ngành, địa phương trong các năm vừa qua, nhìn chung các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam đã nắm được các quy định mới của nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nhãn hàng hóa trước khi đưa sản phẩm ra thị trường... Chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các cơ sở sản xuất được chứng nhận hợp quy, công bố

hợp quy, hàng hóa nhập khẩu chính ngạch được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo chất lượng nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN).

Công tác quản lý, phối hợp thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực được triển khai chặt chẽ, bài bản; kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn các hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng lậu; có sự thông tin kịp thời về chất lượng sản phẩm, hàng hóa giữa các cơ quan quản lý nhằm thực hiện tốt công tác phối hợp, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên cả nước.

(Chi tiết về hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ năm 2016-2021 theo Phụ lục II).

2.3. Công tác ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và xây dựng, ban hành QCVN để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

Đến nay, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã xác định, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 để quản lý đối với lĩnh vực được phân công.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức thẩm định hơn 900 dự thảo QCVN. Các Bộ quản lý chuyên ngành đã ban hành và đăng ký tại Bộ Khoa học và Công nghệ hơn 800 QCVN, trong đó có gần 300 QCVN đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Các QCVN này đã trở thành công cụ và phương tiện quan trọng để duy trì các chuẩn mực trong các quan hệ kinh tế, hỗ trợ quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho con người; bảo vệ động vật, thực vật và môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và xã hội. Ngoài ra, đối với tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), hiện nay, hệ thống TCVN hiện hành có hơn 13.000 TCVN với tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 60%. Hệ thống TCVN và QCVN nêu trên đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo an toàn, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, hỗ trợ xuất khẩu để doanh nghiệp vượt qua những thách thức rào cản kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực cạnh tranh và phức tạp hiện nay. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, QCVN ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế là một công cụ quản lý hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế về quản lý sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoạch định, xây dựng, triển khai hiệu quả các chính sách công và các chương trình mục tiêu quốc gia, như chương trình hiệu suất năng lượng, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống (khí thiên nhiên CNG/LNG, pin mặt trời...), thúc đẩy sử dụng, nhiên liệu tái chế giảm ô nhiễm môi trường sinh thái (tro xỉ, thạch cao từ các nhà máy nhiệt điện, phân bón, hóa chất làm nguyên liệu vật liệu xây dựng, giao thông vận tải), phục vụ công tác đo kiểm, đánh giá, xử lý ô nhiễm (như xử lý vụ hỏa hoạn tại Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, các khu công nghiệp tập trung sản xuất thép, nguyên liệu dệt may-da giày...) là những vấn đề được nhà nước, xã hội, người dân quan tâm.

2.4. Hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

Đã đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP). Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng điều kiện quy định tại các Nghị định này (không phân biệt tổ chức sự nghiệp công lập, tổ chức KH&CN, tổ chức được thành lập theo Luật doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài thành lập theo Luật đầu tư) đều được tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Tính đến ngày 30/12/2022, đã có 1.582 tổ chức đánh giá sự phù hợp được các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, trong đó có 1.075 tổ chức thử nghiệm, 240 tổ chức chứng nhận sản phẩm và chứng nhận hệ thống quản lý, 106 tổ chức giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa và 161 tổ chức kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Hoạt động này đã giúp các doanh nghiệp kịp thời kiểm soát chất lượng sản phẩm trong sản xuất, nhập khẩu, biết chính xác mức chất lượng của sản phẩm do mình sản xuất hoặc mua vào. Điều đó giúp cho tổ chức giữ được uy tín và phát triển bền vững sản phẩm do họ cung cấp. Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải có chính sách thích hợp để tạo ra thương hiệu quốc gia cho sản phẩm hàng hoá của mình. Thuận lợi hoá thủ tục đánh giá sự phù hợp thông qua hoạt động thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được coi là một trong những biện pháp để xây dựng thương hiệu quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Dịch bệnh Covid-19 có tác động rất mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của nước ra. Để tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức đánh giá sự phù hợp, trên cơ sở các hướng dẫn của Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF), Hiệp hội hợp tác công nhận Châu Á-Thái Bình Dương (APAC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) cho phép 01 cơ sở đào tạo được đào tạo trực tuyến; 18 tổ chức chứng nhận, 02 tổ chức công nhận được thực hiện đánh giá trực tuyến từ xa thông qua việc sử dụng các phương tiện điện tử thích hợp để tiến hành đào tạo, đánh giá chứng nhận lại và đánh giá giám sát các doanh nghiệp tại các địa bàn đang chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh đó, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực cũng đã chỉ định hơn 370 tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, sản phẩm thực phẩm. Đồng thời đã có quy định để quản lý hoạt động công nhận năng lực các tổ chức đánh giá sự phù hợp; đến nay đã có 03 tổ chức công nhận đã đăng ký hoạt động theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đều có năng lực đáp ứng theo chuẩn mực quốc tế như ISO 9001, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17020 và ISO/IEC 17025 tương ứng đối với từng loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp, đảm bảo đáp ứng được cơ bản các

yêu cầu thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa; làm căn cứ để thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp với các quốc gia, vùng lãnh thổ.

(Danh sách các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động, được chỉ định được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực).

2.5. Hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm soát viên chất lượng

Hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm soát viên chất lượng được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; Thông tư số 10/2009/TT-BNV ngày 21/10/2009 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá gồm: Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Mã số ngạch 13.280); Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Mã số ngạch 13.281); Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Mã số ngạch 13.282); Kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Mã số ngạch 13.283); Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BNV-BKHCN ngày 07/4/2011 của Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Cho đến nay, về cơ bản các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện theo quy định nêu trên. Tuy nhiên, các nội dung quy định về kiểm soát viên chất lượng cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để nâng cao vai trò, quyền hạn của kiểm soát viên chất lượng.

2.6. Về hoạt động hợp tác quốc tế

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế của Việt Nam với quốc tế, các Bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc thực hiện Đề án thực thi Hiệp định TBT theo Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 26/5/2005, Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ thực thi Hiệp định TBT ở Việt Nam.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về tiêu chuẩn đo lường chất lượng từng bước được hoàn thiện, phù hợp với các nguyên tắc của Hiệp định TBT, đáp ứng các điều kiện về pháp lý cho Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO; thực thi các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Hiệp định TBT của WTO; xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng đòi hỏi cấp bách của quản lý cũng như của xã hội. Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia được rà soát, soát xét hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên làm cơ sở cho thuận lợi hoá thương mại, xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới; thiết lập và triển khai hoạt động ổn định mạng lưới cơ quan thông báo và hỏi đáp về TBT của Việt Nam nhằm đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ về thông báo và hỏi đáp của nước thành viên WTO; bảo đảm các nghĩa vụ thực thi Hiệp định TBT ở Việt Nam; giải quyết quan ngại về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phát sinh giữa các nước thành viên với Việt Nam và Việt Nam với các nước thành viên, cụ thể giai đoạn 2008-2022 đã thông báo 271 biện pháp kỹ thuật của Việt Nam cho các nước thành viên.

Đồng thời, nhằm mục đích tạo thuận lợi hóa thương mại hàng hóa giữa các nền kinh tế, triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Việt Nam đã chủ động tham gia vào các tổ chức, diễn đàn khu vực và thế giới, xúc tiến triển khai ký kết và tổ chức thực hiện các hiệp định/thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong khuôn khổ ASEAN, APEC, MRA song phương giữa các nước, ưu tiên ký kết MRA với các nước có giá trị hàng hoá trao đổi thương mại lớn với nước ta, ví dụ như Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai MRA về thiết bị điện - điện tử (EE MRA) trong ASEAN; các MRA song phương về tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp với Nga, Ucraina, Trung Quốc, Đài Loan, Bê-la-rút; Bộ Y tế tham gia ký kết các MRA về hành nghề Y; Nha khoa; Dịch vụ điều dưỡng; Thực hành tốt GMP giữa các nước ASEAN; Hiệp định về Hệ thống hài hòa ASEAN trong quản lý mỹ phẩm...

Ngoài những hiệp định/thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau ở cấp quốc gia, các tổ chức kỹ thuật (tổ chức đánh giá sự phù hợp) đã chủ động ký kết các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau hoặc Bản Ghi nhớ hợp tác với các tổ chức, cơ quan kỹ thuật nước ngoài tương ứng về thừa nhận lẫn nhau các kết quả đánh giá sự phù hợp nhằm tăng cường sự hợp tác về kỹ thuật, giúp các doanh nghiệp giảm chi phí, tạo thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa giữa các nước.

2.7. Về Giải thưởng Chất lượng quốc gia

Giải thưởng Chất lượng Việt Nam (nay là Giải thưởng Chất lượng quốc gia) là Giải thưởng về Chất lượng do Thủ tướng Chính phủ ký trao tặng cho các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, đồng thời đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, sau nhiều năm Giải thưởng đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt và tạo được uy tín đối với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý cũng như người tiêu dùng trong xã hội. Giải thưởng này có một số điểm đặc biệt:

Thứ nhất, đây là Giải thưởng duy nhất ở Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hoá. Vì thế có thể nói, đây là Giải thưởng cao nhất về chất lượng ở Việt Nam.

Thứ hai, đây là Giải thưởng có “độ khó” cao nhất trong các giải thưởng về chất lượng. Số lượng tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng quốc gia để được trao giải thực sự là những doanh nghiệp xuất sắc và xứng đáng. Mô hình Giải thưởng Chất lượng quốc gia ở Việt Nam hiện nay dựa trên mô hình Giải thưởng Chất lượng quốc gia của Hoa Kỳ. Mô hình Giải thưởng Chất lượng đang được nhiều nước tiên tiến trên thế giới áp dụng.

Thứ ba, Giải thưởng Chất lượng quốc gia không chỉ đơn thuần là giải thưởng mà còn là một công cụ giúp doanh nghiệp hoàn thiện khả năng tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh theo chuẩn tiên tiến của thế giới.

Vì vậy, cho dù doanh nghiệp có đạt giải hay không đạt giải, nếu áp dụng hệ thống các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng quốc gia chắc chắn sẽ có bước cải thiện rất đáng kể, về mặt quản trị, phát triển lực lượng, tầm nhìn. Khi doanh nghiệp có ý thức tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, tự doanh nghiệp đã

đặt mình vào trong lộ trình để hoàn thiện tốt hơn, để thích nghi với thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Giải thưởng Chất lượng quốc gia đã trở thành một hoạt động thường xuyên nhằm tôn vinh xứng đáng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực chất lượng. Trong thời gian từ 2006 - 2020 đã có 1.312 lượt doanh nghiệp được trao tặng giải thưởng này, trong đó có 224 doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Các doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2006 đến nay liên tục tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á-Thái Bình Dương (GPEA), đến năm 2020 đã có 49 doanh nghiệp được trao giải GPEA.

(Chi tiết về hoạt động xét tặng Giải thưởng Chất lượng quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á-Thái Bình Dương (GPEA) theo Phụ lục III).

2.8. Về thực hiện Chương trình năng suất, chất lượng

Đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” kèm theo Quyết định số 712/QĐ-TTg và triển khai có hiệu quả Chương trình này. Cả 06 dự án năng suất và chất lượng do các Bộ chủ trì và 57 dự án năng suất và chất lượng địa phương đã được phê duyệt và triển khai thực hiện. Thông qua hoạt động của Chương trình đã góp phần hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN; bước đầu hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia năng suất và chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng nâng cao năng suất chất lượng và khả năng cạnh tranh...; gắn kết giữa khoa học công nghệ với thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. *(Chi tiết kết quả triển khai thực hiện được nêu tại Phụ lục IV).*

Năm 2020 đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết *Chương trình quốc gia năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020* và đề xuất định hướng các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các Bộ, ngành và địa phương đang triển khai Quyết định số 1322/QĐ-TTg.

2.9. Về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc

a) Về mã số, mã vạch

Năm 1995, xuất phát từ nhu cầu thực tế của việc sản xuất, kinh doanh thương mại trong nước cũng như xuất khẩu, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tham gia Tổ chức GS1 quốc tế - được hình thành trên cơ sở hợp nhất hai tổ chức là Hội mã số vật phẩm Châu Âu EAN và Hội đồng mã thống nhất của Mỹ UCC. Việt Nam đã có được Mã quốc gia 893 và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (GS1 Việt Nam) đã triển khai cấp mã số doanh nghiệp GS1. Sau hơn 25 năm hoạt động, GS1 Việt Nam đã đạt được

một số thành tích đáng kể như áp dụng tốt nhu cầu sử dụng mã số, mã vạch (MSMV) trong quản lý, sản xuất, kinh doanh thương mại... của các tổ chức trong nước; cùng các bộ ngành liên quan xây dựng các văn bản pháp quy, tạo hành lang pháp lý vững chắc phục vụ hoạt động MSMV; hoạt động của GS1 Việt Nam về cơ bản đã được triển khai theo những mục tiêu đã định, phù hợp với tình hình trong nước và tuân thủ đúng chủ trương, chính sách của GS1 quốc tế.

Đến nay, nhiều mặt hàng mang MSMV của Việt Nam với mã quốc gia 893 đang được lưu thông trên thị trường trong và ngoài nước, góp phần nâng cao uy tín, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng Việt Nam đối với các bạn hàng trong và ngoài nước. Hàng ngàn doanh nghiệp đã sử dụng công nghệ nhận dạng và thu thập dữ liệu tự động bằng MSMV trong quản lý sản xuất và kinh doanh thương mại mang lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và giảm các chi phí không cần thiết. Từ năm 2006 đến năm 2021, đã cấp mới 48.785 mã doanh nghiệp GS1; 57 mã Mã rút gọn (EAN8); cấp giấy xác nhận cho 1.005 mã nước ngoài và giai đoạn 2018-2021 đã cấp 724 mã phân định địa điểm toàn cầu.

b) Về truy xuất nguồn gốc

Để triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng như nhận thức được lợi ích của việc truy xuất nguồn gốc trong tình hình kinh tế trong và ngoài nước thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100), trong đó Thủ tướng Chính phủ đã giao trách nhiệm cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng các văn bản, quy định pháp luật về quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; xây dựng, vận hành và quản lý Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; xây dựng, phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 23 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về truy xuất nguồn gốc; đang triển khai xây dựng Công Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá Quốc gia.

Triển khai Đề án 100, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2022), trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Hướng dẫn nâng cao năng lực kỹ thuật cho hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển sản phẩm, hàng hóa chủ lực, phát triển kinh tế - xã hội của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương; Quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu; Quản lý sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm và vật mang dữ liệu; Quản lý tổ chức triển khai, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

Đồng thời, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP cũng đã quy định trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý tổ chức triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

2.10. Về việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn luật đã quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ: giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm tra về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa hàng năm đối với các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đưa ra cảnh báo hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý.

Các quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, địa phương đã thể hiện sự phân định trách nhiệm, phân công, phân cấp quản lý về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo nguyên tắc sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành nào thì ngành đó quản lý. Sự phân công, phân cấp rõ ràng nên công tác tham mưu ban hành văn bản, các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa được chú trọng; công tác thanh, kiểm tra không bị chông chéo; công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng được tăng cường và tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đã góp phần giúp các cơ quan quản lý nhà nước từng bước nắm vững, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, công tác quản lý về tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã từng bước đi vào nền nếp.

2.11. Về sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương trong công tác thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở Trung ương và địa phương trong công tác thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được thực hiện tương đối đồng bộ, thường xuyên.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức triển khai thi hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là trong công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho cán bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức và xã hội; tư vấn, giải đáp, hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thường xuyên rà soát và kiến nghị với các cấp, cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung các quy định của

pháp luật liên quan đến lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa còn mâu thuẫn, chông chéo nhau, không phù hợp với thực tế hoặc không đáp ứng được các yêu cầu, cam kết về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã và đang ký kết hoặc gia nhập.

II. Những tác động tích cực của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với hệ thống pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước

1. Đối với hệ thống pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội thông qua năm 2007 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử xây dựng, phát triển và hoàn thiện pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của nước ta. Đạo luật này đã thay đổi toàn bộ cấu trúc của hệ thống các văn bản pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của nước ta, chuyển từ hệ thống các văn bản pháp luật đơn hành, với quy định còn thiếu tính thống nhất và đồng bộ thành một đạo luật chuyên ngành thống nhất, làm nền tảng pháp lý cơ bản để điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến quản lý và thực thi quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của nước ta.

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa và hệ thống văn bản pháp luật trước đây đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước để vận dụng phù hợp với tình hình Việt Nam, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã khắc phục được các bất cập, tồn tại nhiều năm trong hệ thống văn bản pháp luật, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, đầy đủ và hiệu quả của hệ thống pháp luật, làm cho hệ thống văn bản pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của nước ta tiến gần hơn với hệ thống của nhiều nước trên thế giới.

2. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Với vai trò là một văn kiện pháp lý quan trọng thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, kết quả thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã cho thấy các quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã thực sự đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng tích cực, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày càng được nâng lên, sản phẩm, hàng hóa được kiểm soát chặt chẽ từ khâu trước khi đưa ra thị trường cho đến khâu sau khi đưa ra thị trường, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động chất lượng, đổi mới phương thức quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp; bảo đảm quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước nhà nước và người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của mình; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời xác định trách nhiệm và phân công hợp lý giữa các Bộ, ngành, địa phương.

3. Đối với công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế

Việc ban hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là một bước tiến mới trong việc thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước nhằm hoàn thiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đáp ứng các đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Về cơ bản, các quy phạm pháp luật liên quan tới quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã đáp ứng các yêu cầu, quy định của các Hiệp định, Hiệp ước mà Việt Nam đã tham gia. Bên cạnh việc tuân thủ các điều ước quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các nước để vận dụng phù hợp với tình hình Việt Nam. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã thực sự là công cụ pháp lý quan trọng của nước ta trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia trước sức ép của các cường quốc trong quá trình hội nhập, đồng thời, tôn trọng các điều ước quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà Việt Nam đã và sẽ tham gia.

Đối với các cam kết trong những thỏa thuận thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam về cơ bản đều đã tương thích. Các nghĩa vụ mang tính bắt buộc hoặc đã được quy định trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoặc được quy định tại các Luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Luật Hải quan...) hoặc được hướng dẫn cụ thể bằng các Nghị định quy định chi tiết và các Thông tư hướng dẫn thi hành.

Mặc dù vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa để phù hợp với hoạt động thực tiễn cũng như đáp ứng nhu cầu hội nhập vẫn là công việc được liên tục tiến hành. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế với các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hệ thống các văn bản pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà trọng tâm là Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng cần được đánh giá một cách toàn diện để không chỉ đáp ứng các nghĩa vụ trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia mà còn phù hợp với lộ trình hội nhập của Việt Nam trong thời gian tới.

III. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật, chính sách của các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay

1. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá và hoạt động đánh giá sự phù hợp

1.1. Trung Quốc

Trung Quốc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hệ thống các văn bản, bao gồm: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Chất lượng Nông sản; Luật Kiểm tra hàng hoá xuất nhập khẩu; Luật kiểm dịch động vật, thực vật (xuất, nhập); Luật Kiểm dịch y tế biên giới; Luật Vệ sinh thực phẩm; Luật Tiêu chuẩn hoá; Luật Đo lường và các văn bản QPPL dưới các luật này. Việc phân cấp quản lý chất lượng cũng được giao trách nhiệm cho cấp tỉnh giải quyết.

1.1.1. Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa theo Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:

- Luật này được xây dựng nhằm mục đích tăng cường giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, làm rõ trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, giữ gìn trật tự kinh tế, xã hội.

- Người sản xuất và người bán hàng phải thiết lập và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm nội bộ, đồng thời thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn về chất lượng, chịu trách nhiệm về chất lượng và các phương pháp đánh giá tương ứng.

- Người sản xuất, người bán phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

- Nghiêm cấm không được giả mạo hoặc sử dụng sai các dấu chất lượng cũng như dấu chứng nhận; nghiêm cấm không được đưa những sản phẩm kém chất lượng hoặc giả mạo nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, giả mạo hoặc sử dụng sai sự thật về tên hoặc địa chỉ nhà sản xuất

- Nhà nước khuyến khích thực hiện các phương pháp quản lý khoa học về chất lượng, áp dụng công nghệ tiên tiến, khuyến khích nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế.

- Chất lượng của sản phẩm phải được kiểm tra và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn sản phẩm. Các sản phẩm không đủ tiêu chuẩn sẽ không được coi là sản phẩm đạt chất lượng.

- Các sản phẩm công nghiệp có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và an toàn cá nhân và tài sản phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc gia và công nghiệp về bảo vệ sức khỏe con người, an toàn cá nhân và tài sản; nếu chưa có tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn công nghiệp nào được xây dựng, thì sản phẩm đó phải tuân theo yêu cầu về việc bảo vệ sức khỏe con người và an toàn cá nhân, tài sản.

- Nghiêm cấm sản xuất và bán các sản phẩm công nghiệp không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ sức khỏe con người, an toàn cá nhân và tài sản. Các biện pháp quản lý cụ thể do Hội đồng Nhà nước thiết lập.

1.1.2. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

- Cơ quan quản lý nhà nước quản lý hệ thống chất lượng của doanh nghiệp phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý chất lượng được quốc tế chấp nhận. Trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, doanh nghiệp có thể đăng ký chứng nhận hệ thống chất lượng doanh nghiệp cho các tổ chức chứng nhận đã được bộ phận giám sát và quản lý thị trường của Hội đồng Nhà nước công nhận hoặc được các cơ quan được bộ phận giám sát và quản lý thị trường của Hội đồng nhà nước công nhận. Những doanh nghiệp đạt chứng chỉ sẽ được tổ chức chứng nhận cấp giấy chứng nhận hệ thống chất lượng doanh nghiệp.

Hàng hóa xuất nhập khẩu trong danh mục phải được kiểm tra theo yêu cầu bắt buộc của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Các thủ tục đánh giá sự phù hợp bao gồm: lấy mẫu, kiểm tra và giám định; đánh giá, xác minh và đảm bảo sự phù hợp; đăng ký, công nhận, phê duyệt.

Hoạt động chứng nhận tại Trung Quốc được chia thành 02 loại: hoạt động tự nguyện và hoạt động bắt buộc. Các tổ chức chứng nhận phải đăng ký và được CNCA (Certification and Accreditation Administration of the People's Republic of China) phê duyệt mới được thực hiện hoạt động chứng nhận (gồm cả tổ chức chứng nhận nước ngoài hoạt động tại Trung Quốc). CNCA là Cục Quản lý công nhận và chứng nhận của Trung Quốc do Hội đồng nhà nước thành lập.

Đối với hệ thống quản lý khác như BRC, Global GAP..., tổ chức chứng nhận phải thông báo lên CNCA để được phép thực hiện chứng nhận các hệ thống này. Nếu CNCA chưa cho phép thì không được thực hiện chứng nhận các hệ thống này.

Hoạt động chứng nhận bắt buộc (gắn dấu CCC): Được thực hiện căn cứ trên cơ sở Danh mục bắt buộc phải chứng nhận. Nguyên tắc đưa sản phẩm vào Danh mục này là đảm bảo an toàn, môi trường, EMC (đối với 1 số sản phẩm điện-điện tử). Hiện nay, tại Trung Quốc 149 sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm bắt buộc chứng nhận, gắn dấu CCC trước khi lưu thông trên thị trường (gồm cả sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu) như thiết bị điện, điện tử; đồ chơi trẻ em; thiết bị viễn thông; sản phẩm y tế, phụ tùng xe máy, kính xây dựng, máy móc nông nghiệp, thiết bị chữa cháy...

1.1.3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát thị trường sau cấp Giấy chứng nhận

- Nhà nước thực hiện hệ thống thanh tra và kiểm tra với việc kiểm tra tại chỗ là phương pháp chính để đánh giá chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và an toàn cá nhân và tài sản, các sản phẩm công nghiệp quan trọng ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc dân và đời sống của người dân, và các sản phẩm mà người tiêu dùng và các tổ chức có liên quan báo cáo có vấn đề về chất lượng phải được kiểm tra tại chỗ. Mẫu để kiểm tra được chọn ngẫu nhiên từ sản phẩm lưu thông trên thị trường hoặc trong kho thành phẩm của doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra ngẫu nhiên do Cơ quan Kiểm tra và Quản lý thị trường của Quốc vụ viện lập kế hoạch và tổ chức. Các đơn vị kiểm tra và quản lý thị trường địa phương ở cấp quận hoặc cao hơn cũng có thể tổ chức giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên trong các khu vực hành chính tương ứng của họ. Trường hợp pháp luật có quy định khác về thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Các sản phẩm phải kiểm tra nhà nước và kiểm tra ngẫu nhiên sẽ không bị chính quyền địa phương kiểm tra ngẫu nhiên nhiều lần; sản phẩm chịu sự thanh tra, kiểm tra ngẫu nhiên của cấp trên thì cấp dưới sẽ không kiểm tra ngẫu nhiên lặp lại.

Theo nhu cầu thanh tra và kiểm tra ngẫu nhiên, các sản phẩm có thể được kiểm tra. Số lượng mẫu lấy để kiểm tra không được vượt quá nhu cầu hợp lý để kiểm tra và đơn vị được kiểm tra sẽ không phải trả phí kiểm tra. Phí kiểm tra cần thiết cho việc thanh tra và kiểm tra ngẫu nhiên sẽ được niêm yết và thanh toán theo quy định của Hội đồng Nhà nước.

- Nếu người sản xuất, người bán có ý kiến phản đối kết quả kiểm tra ngẫu nhiên thì có thể làm đơn đề nghị kiểm tra lại với Chi cục quản lý, giám sát thị trường thực hiện giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên hoặc Chi cục quản lý, giám sát thị trường cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả giám định và tiến hành nghiệm thu việc kiểm tra lại. Chi cục quản lý giám sát thị trường ra kết luận thanh tra lại.

- Người sản xuất và người bán không được từ chối việc giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp các sản phẩm được thanh tra, kiểm tra tại chỗ không đạt chất lượng theo quy định thì Chi cục quản lý, thanh tra thị trường thực hiện giám sát, kiểm tra tại chỗ phải yêu cầu người sản xuất, người bán phải khắc phục trong thời hạn. Trường hợp không khắc phục trong thời hạn sẽ bị Chi cục quản lý và giám sát thị trường thuộc chính quyền nhân dân cấp tỉnh trở lên thông báo; những trường hợp không đủ tiêu chuẩn sau khi kiểm tra lại sau khi công bố thì bị đình chỉ kinh doanh và chấn chỉnh có thời hạn; Nếu sau thời gian khắc phục mà chất lượng sản phẩm vẫn không đạt yêu cầu thì bị thu hồi Giấy phép kinh doanh.

Trường hợp sản phẩm bị thanh tra, kiểm tra ngẫu nhiên có vấn đề nghiêm trọng về chất lượng thì xử lý theo quy định có liên quan.

- Các đơn vị quản lý và giám sát thị trường cấp quận trở lên có thể thực hiện các chức năng và quyền hạn sau đây khi điều tra và xử lý các hành vi bị nghi ngờ vi phạm các quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa Trung Quốc dựa trên các bằng chứng nghi ngờ vi phạm hoặc các báo cáo đã thu được:

(1) Tiến hành kiểm tra tại chỗ các bên bị nghi ngờ có hoạt động sản xuất, kinh doanh vi phạm;

(2) Điều tra và tìm hiểu các tình huống liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh bị nghi ngờ vi phạm từ người đại diện theo pháp luật, người phụ trách chính và các nhân sự liên quan khác của các bên liên quan;

(3) Kiểm tra, sao chụp các hợp đồng, hóa đơn, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan khác của các bên;

(4) Đối với các sản phẩm có căn cứ cho rằng chúng không đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn công nghiệp về bảo vệ sức khỏe con người và an toàn cá nhân và tài sản, hoặc các sản phẩm có vấn đề chất lượng nghiêm trọng khác, cũng như các nguyên liệu thô và nguyên liệu phụ trợ và bao bì được sử dụng trực tiếp đối với việc sản xuất và bán các sản phẩm, công cụ sản xuất, phải niêm phong hoặc tạm giữ.

- Cơ sở kiểm tra chất lượng sản phẩm phải có đủ điều kiện và năng lực kiểm nghiệm tương ứng và chỉ được thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm sau khi đã qua đánh giá của Chi cục quản lý và giám sát thị trường của chính quyền nhân dân cấp tỉnh trở lên hoặc sở được ủy quyền. Trường hợp pháp luật và quy định hành chính có quy định khác đối với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm thì thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định hành chính có liên quan.

- Các tổ chức xã hội trung gian tham gia kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm phải được thành lập theo quy định của pháp luật và không có bất kỳ mối quan hệ cấp dưới hoặc quan hệ lợi ích nào khác với các cơ quan hành chính và các cơ quan nhà nước khác.

- Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm và cơ quan chứng nhận phải công bố kết quả kiểm tra hoặc giấy chứng nhận một cách khách quan, công bằng phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm theo quy định của nhà nước tiến hành hậu kiểm đối với sản phẩm được phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; Đơn vị sử dụng nhãn hiệu chứng nhận không đạt tiêu chuẩn chứng nhận phải khắc phục; nếu trường hợp nghiêm trọng, tư cách sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của họ sẽ bị hủy bỏ.

- Các cục giám sát và quản lý thị trường hoặc các cơ quan nhà nước khác và các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm không được giới thiệu sản phẩm của người sản xuất ra công chúng; và không được tham gia vào các hoạt động kinh doanh sản phẩm bằng cách giám sát việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm.

1.2. Châu Âu (EU)

1.2.1. EU quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các quy định tại các Luật, Pháp lệnh, tiêu chuẩn và các lệnh cấm.

Hiện nay tại Châu Âu, việc ban hành và kiểm soát các tiêu chuẩn Châu Âu thuộc trách nhiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa Châu Âu như CEN, CENELEC, ETSI. Đây là 3 cơ quan tiêu chuẩn hóa của Châu Âu được coi là đủ năng lực trong việc tiêu chuẩn hoá kỹ thuật và có thể được sử dụng để hỗ trợ luật pháp và chính sách của EU. Ba cơ quan này đã đưa ra các tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu (EU) trong từng lãnh vực riêng biệt và tạo ra "hệ thống tiêu chuẩn hoá Châu Âu".

Hệ thống tiêu chuẩn hiện tại của EU mang tính thống nhất và hài hòa cho toàn EU với các lãnh vực sản phẩm chính nhằm thay thế cho nhiều tiêu chuẩn quốc gia khác nhau. Khi là thành viên của EU, các quốc gia thành viên được phép đưa thêm các yêu cầu cho ngành Công Nghiệp của mình. Tuy nhiên, nếu sản phẩm nào đáp ứng được những yêu cầu tối thiểu sẽ được cho phép lưu hành tự do tại EU.

Hệ thống tiêu chuẩn EU tập trung vào 3 nhóm chính sau:

- Sức khoẻ và an toàn (Nhãn CE, Chứng nhận HACCP, Chứng nhận BRC Food/ IOP, Chứng nhận ISO 9000, Các tiêu chuẩn EN/ISO)

- Trách nhiệm xã hội (Nhãn hiệu Xã hội công bằng, Chứng nhận SA 8000)
- Môi trường (Nhãn sinh thái, Chứng nhận ISO 14000).

Mục đích của nhãn CE là đặt ra yêu cầu chung đối với các nhà sản xuất nhằm chỉ đưa ra những sản phẩm an toàn tại thị trường EU. Nhãn CE được coi là 1 giấy thông hành của nhà sản xuất lưu thông nhiều sản phẩm công nghiệp như máy móc, các thiết bị điện có hiệu điện thế thấp, đồ chơi, các thiết bị an toàn cá nhân, các thiết bị y tế... trên thị trường EU.

Đối với các sản phẩm thực phẩm

HACCP được áp dụng cho ngành công nghiệp thực phẩm. Chỉ thị về vệ sinh thực phẩm (93/43/EC) có hiệu lực từ tháng 1/1996 nêu rõ: các công ty thực phẩm sẽ xác định từng khía cạnh của các hoạt động ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và bảo đảm rằng các biện pháp an toàn có thể sẽ được thiết kế, áp dụng, thực hiện và kiểm tra lại trên cơ sở của hệ thống HACCP.

BRC (British Retailer Consortium-BRC) là Hiệp hội bán lẻ Anh quốc sáng lập ra bộ tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm cho các nhà sản xuất thực phẩm cung cấp hàng hóa mang nhãn hiệu của các nhà bán lẻ vào thị trường bán lẻ UK. BRC được sử dụng trên toàn thế giới, hỗ trợ cho doanh nghiệp về sản xuất an toàn thực phẩm. Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm- BRC được thiết lập thích hợp cho việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thực phẩm, yêu cầu các doanh nghiệp phải có nghĩa vụ tuân thủ luật lệ và bảo vệ người tiêu dùng.

Tại nhiều quốc gia Châu Âu, nhiều thỏa thuận mang tính pháp lý được thông qua giữa các Chính phủ và các nhà sản xuất. Các thỏa thuận không chỉ áp dụng cho sản phẩm mà còn áp dụng cho bao bì của sản phẩm. Các nhà xuất khẩu của Việt Nam phải tuân thủ những quy định về môi trường để được xuất khẩu vào EU, do đó các nhà nhập khẩu sẽ chuyển những yêu cầu này cho nhà xuất khẩu. Theo đó, các nhà xuất khẩu buộc phải xem xét ảnh hưởng môi trường của sản phẩm của mình, của quá trình sản xuất và đóng gói. Do vậy các nhà xuất khẩu Việt Nam phải hiểu rằng việc tuân thủ các quy định về sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng EU là điều quan trọng để thành công tại thị trường EU.

1.2.2. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

Các cơ quan tiêu chuẩn quốc tế và châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đánh giá sự phù hợp bằng cách xây dựng các tiêu chuẩn cho hoạt động của CAB và cho các cơ quan công nhận. Các thỏa thuận trong diễn đàn công nhận khu vực và quốc tế (ví dụ: hợp tác Châu Âu về Công nhận, Diễn đàn Công nhận Quốc tế và Hợp tác Công nhận Phòng thí nghiệm Quốc tế) cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận quốc tế đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được công nhận. Các "thỏa thuận đa phương" này dựa trên đánh giá ngang hàng của các cơ quan công nhận quốc gia và giúp thiết lập sự tương đương của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được công nhận. Trong một số lĩnh vực, các kế hoạch thừa nhận lẫn nhau đã được xây dựng, dựa trên đánh giá ngang hàng

của các CAB riêng lẻ, phù nhận nhu cầu kiểm tra trùng lặp. Các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý cũng có thể tạo thuận lợi thương mại đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp tại thị trường xuất khẩu.

Thương mại quốc tế là mối liên hệ giữa tiêu chuẩn và thị trường, việc đánh giá sự phù hợp có thể có tầm quan trọng lớn hơn khi hoạt động kinh doanh ngày càng trở nên toàn cầu hóa và người mua, người chỉ định, cơ quan quản lý và người tiêu dùng yêu cầu bằng chứng từ các nhà cung cấp về việc tuân thủ các tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, khi hoạt động đánh giá sự phù hợp của nước xuất khẩu không được chấp nhận ở nước nhập khẩu hoặc khi các yêu cầu đánh giá sự phù hợp khắt khe hơn mức cần thiết, thì các yêu cầu về đánh giá sự phù hợp cũng có thể đóng vai trò như một rào cản kỹ thuật đối với thương mại. Trong lĩnh vực quản lý, Hiệp định Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới, (Điều 5-9) yêu cầu các thành viên không sử dụng đánh giá sự phù hợp như một trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế và khuyến khích việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp không mang tính địa phương.

1.3. Hoa Kỳ

1.3.1. Các quy định quản lý sản phẩm, hàng hóa:

Hoa Kỳ quản lý sản phẩm, hàng hóa bằng các quy định tại các pháp lệnh, quy tắc, quy định, tiêu chuẩn và các lệnh cấm. Hoa Kỳ quản lý sản phẩm, hàng hóa theo nhóm sản phẩm. Các nhóm sản phẩm có cách thức quản lý khác nhau. Nguyên tắc quản lý dựa trên nguyên tắc đánh giá rủi ro.

a) Quản lý sản phẩm tiêu dùng:

Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSC) là cơ quan quản lý sản phẩm tiêu dùng trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Các sản phẩm tiêu dùng được kiểm soát chất lượng bằng hoạt động thử nghiệm các chỉ tiêu theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận được cấp bởi "tổ chức đánh giá sự phù hợp bên thứ ba (các tổ chức thử nghiệm)" được công nhận và sau đó được CPSC phê duyệt và đăng tải trên danh sách công bố công khai rộng rãi.

Để thi hành sứ mệnh của mình, CPSC áp dụng bảy đạo luật do Quốc Hội thông qua, bao gồm:

- (1) Luật An toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSA)
- (2) Luật về Chất nguy hại Liên Bang (FHSA)
- (3) Luật Vải dễ cháy (FFA)
- (4) Luật Đóng gói ngăn ngừa chất độc (PPPA)
- (5) Luật An toàn tủ lạnh (RSA).
- (6) Luật An toàn xông hơi và hồ bơi virginia graeme baker (VGBA)
- (7) Luật Ngăn ngừa Phòng xăng cho Trẻ em (CGBPA).

b) Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (sau đây gọi tắt là FDA) là cơ quan bảo vệ người tiêu dùng toàn diện lâu đời nhất trong chính phủ liên bang Hoa Kỳ. FDA thuộc Bộ Y tế và Nhân sinh Hoa Kỳ. FDA được thành lập năm 1906, trụ sở chính tại White Oak, Maryland. FDA được coi là đơn vị chịu trách nhiệm cho việc bảo vệ và thúc đẩy sức khỏe cộng đồng thông qua các quy định và giám sát an toàn thực phẩm, các sản phẩm thuốc lá, sản phẩm bổ sung chế độ ăn uống, dược phẩm phải theo toa và không cần kê toa, vắc-xin, dược học, truyền máu, các thiết bị y tế, bức xạ điện từ các thiết bị phát và sản phẩm thú y. FDA có 223 văn phòng và 13 phòng thí nghiệm trên khắp các các tiểu bang tại Hoa Kỳ. Tính đến năm 2016, FDA đã có văn phòng khắp các nước trên toàn thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, Costa Rica, Chile, Bỉ, và Vương quốc Anh.

FDA quản lý thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm. Nếu phát hiện sản phẩm thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm vi phạm các quy định pháp luật, FDA sẽ phát hành Thư cảnh báo để cho các Doanh nghiệp biết rằng họ đã vi phạm các luật và cho họ biết cần phải thực hiện hành động khắc phục nào. Sau khi nhận Thư cảnh báo, Doanh nghiệp có thời hạn để phản hồi đến FDA. Doanh nghiệp được quyền cung cấp các bằng chứng minh sản phẩm không vi phạm quy định pháp luật. Sau đó, FDA sẽ xem xét và cân nhắc tất cả các bằng chứng và đưa ra kết luận. Nếu sản phẩm được xác định là vi phạm thì phải thu hồi, sau đó sửa chữa và ghi nhãn lại hoặc bị tiêu hủy. Tất cả các quá trình này do FDA giám sát.

Việc quản lý thực phẩm được tuân theo một số luật và văn bản có liên quan: Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (Luật FD&C); Luật Hiện đại hóa An toàn Thực phẩm của FDA (FSMA); Quy định về Ghi nhãn; Tiêu chuẩn Quy định Nhận dạng. Thực phẩm trước khi nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ phải có Giấy chứng nhận FDA. Mỗi giấy chứng nhận FDA chỉ cấp riêng cho từng sản phẩm (không gộp các loại sản phẩm) tuy nhiên không giới hạn số lượng hay trọng lượng. Mỗi loại sản phẩm sẽ có quy định về tiêu chuẩn riêng để được cấp giấy chứng nhận FDA. Thực phẩm trước khi nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ phải thông báo trước đến FDA.

Việc quản lý mỹ phẩm được tuân theo một số luật và văn bản có liên quan: Luật về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang; Luật Đóng gói và Ghi nhãn công bằng; Luật về nước không chứa microbead năm 2015; Quy định về Ghi nhãn; Các quy định liên quan đến mỹ phẩm. Theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang, các sản phẩm và thành phần mỹ phẩm không cần sự chấp thuận của FDA trước khi đưa ra thị trường. Ngoại lệ là chất phụ gia tạo màu (không phải là chất được sử dụng trong hầu hết các loại thuốc nhuộm tóc). Đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu, các sản phẩm và thành phần mỹ phẩm, ngoại trừ chất phụ gia tạo màu, không cần sự chấp thuận của FDA trước nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. FDA hợp tác chặt chẽ với Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) để giám sát hàng nhập khẩu. Mỹ phẩm nhập khẩu phải được CBP kiểm tra tại thời điểm nhập khẩu. Mỹ phẩm nước ngoài có dấu hiệu bị pha trộn hoặc ghi nhãn sai có thể bị từ chối nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

Đối với các thiết bị y tế, FDA quy định gồm các sản phẩm sử dụng cho mục đích chẩn đoán, điều trị, làm giảm nhẹ hay ngăn ngừa bệnh tật có thể ảnh hưởng đến cấu trúc hay bất kì chức năng nào trên cơ thể người hoặc động vật. FDA yêu cầu các cơ sở sản xuất và thương mại các thiết bị y tế phải đăng ký với FDA trước khi muốn bán sản phẩm tại thị trường Mỹ. FDA cũng yêu cầu các nhà sản xuất phải làm thủ tục đăng ký và liệt kê những sản phẩm với FDA theo hàng năm. Các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, cụ thể là ngoài thị trường Hoa Kỳ bắt buộc phải đăng ký và phải được cấp giấy chứng nhận FDA Hoa Kỳ.

1.4. Australia (Úc)

1.4.1. Quy định quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa

Úc quản lý sản phẩm, hàng hóa bằng các quy định tại Luật, pháp lệnh, quy tắc, quy định (quy định xử phạt, thu hồi sản phẩm), tiêu chuẩn và các lệnh cấm. Cụ thể:

a) Quản lý theo các tiêu chuẩn:

- Tiêu chuẩn tự nguyện: Các nhà cung cấp tham khảo các tiêu chuẩn tự nguyện, có thể bao gồm các yếu tố an toàn khi sản xuất sản phẩm hoặc khi mua hàng. Việc tham khảo này giúp đảm bảo rằng hàng hoá mà họ cung cấp an toàn, ngăn ngừa việc phải thực hiện thu hồi sản phẩm. Theo Luật Úc, hàng hoá không bắt buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn tự nguyện nhưng phải tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc. Tuy nhiên, nhiều tiêu chuẩn bắt buộc dựa trên các tiêu chuẩn tự nguyện.

- Tiêu chuẩn bắt buộc: Tiêu chuẩn bắt buộc là những đặc tính hay thuộc tính bắt buộc đối với các sản phẩm, hàng hóa hoặc là thông tin bắt buộc hay mô tả về sản phẩm, hàng hóa được nhập khẩu và tiêu thụ tại thị trường Úc. Nếu hàng hóa nhập khẩu vào Úc không đáp ứng được các tiêu chuẩn này thì bị coi là phạm luật. Tiêu chuẩn bắt buộc bao gồm những quy định, yêu cầu hay điều kiện tối thiểu đối với mỗi sản phẩm hay hàng hóa trước khi được nhập khẩu vào Úc. Những quy định này được đưa ra nhằm tránh hoặc giảm thiểu rủi ro hàng hóa có thể gây sát thương hoặc gây hại, hoặc bị hỏng trong quá trình sử dụng.

- Tiêu chuẩn an toàn: Nếu một hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của tiêu chuẩn bắt buộc thì hàng hóa đó phải đáp ứng được các tiêu chí an toàn cụ thể trước khi được nhập khẩu để tiêu thụ tại Úc như sau: Kết cấu; Thành phần; Phương pháp sản xuất, gia công, chế biến; Thiết kế mẫu mã; Quá trình sản xuất; Hoàn thiện sản phẩm; Đóng gói hoặc dính, gắn nhãn hàng

- Tiêu chuẩn bắt buộc về thông tin mô tả sản phẩm, hàng hóa: Các tiêu chuẩn bắt buộc về thông tin mô tả sản phẩm được đưa ra nhằm đảm bảo người tiêu dùng được cung cấp đầy đủ những thông tin quan trọng về một sản phẩm hay hàng hóa để giúp họ quyết định có nên mua hàng hóa đó hay không.

b) Thu hồi sản phẩm

Khi các nhà cung cấp nhận thấy các sản phẩm bị lỗi hoặc không an toàn, họ có thể tiến hành thu hồi tự nguyện để loại bỏ sản phẩm khỏi thị trường. Theo

Luật Người tiêu dùng Úc, một Bộ trưởng có liên quan cũng có thể ra lệnh bắt buộc thu hồi sản phẩm, nếu cần thiết. Luật về trách nhiệm sản phẩm và các quy định về thu hồi hỗ trợ hệ thống các quy định và tiêu chuẩn tự nguyện.

1.4.2. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

a) Theo cơ quan công nhận của Úc và New Zealand (JAS-ANZ), Hiệp hội các tổ chức chứng nhận được công nhận (AACB), tổ chức công nhận phòng thử nghiệm của Úc (NATA):

- Hiện nay, JAS-ANZ đang triển khai 143 chương trình công nhận theo các tiêu chuẩn cụ thể, số lượng giấy chứng nhận được JAS-ANZ công nhận là 100.000 GCN trên 92 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các chương trình công nhận của JAS-ANZ là công nhận theo yêu cầu bắt buộc của cơ quan quản lý nhà nước, công nhận theo các tiêu chuẩn tự nguyện do cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia hay quốc tế ban hành và công nhận theo các tiêu chuẩn riêng biệt của các hiệp hội công nghiệp, bán lẻ hoặc tổ chức tư nhân.

Theo JAS-ANZ thì tại Úc và New Zealand không có quy định về quản lý tổ chức ĐGSPH. Việc hình thành, tồn tại và phát triển các tổ chức ĐGSPH phụ thuộc vào lựa chọn của tổ chức, doanh nghiệp và nguyên tắc được điều tiết theo quy luật thị trường. Riêng đối với chương trình công nhận bắt buộc thì tổ chức chứng nhận muốn được hoạt động phải tham gia các chương trình công nhận bắt buộc.

- Đến thời điểm hiện tại Hiệp hội AACB đã có 20 tổ chức chứng nhận được công nhận tại Úc tham gia. Hiện nay, chưa có con số thống kê số lượng tổ chức chứng nhận đang hoạt động tại Úc. Việc tham gia vào Hiệp hội AACB là hoàn toàn tự nguyện và thành viên tham gia phải tuân thủ các điều lệ của Hiệp hội bao gồm cả việc đóng phí niên liễm. Sự hình thành và hoạt động của Hiệp hội này không chịu sự điều tiết của cơ quan quản lý nhà nước. Tiếng nói của Hiệp hội AACB cũng được JAS-ANZ ghi nhận trong nhiều cơ chế và ban kỹ thuật.

- NATA là tổ chức công nhận lớn nhất thế giới về phòng thử nghiệm/hiệu chuẩn, tổ chức giám định, nhà sản xuất chất chuẩn cũng như cung cấp các chương trình thử nghiệm thành thạo. Hiện nay, NATA đã công nhận cho hơn 3.000 cơ sở kỹ thuật tại Úc và hơn 50 cơ sở kỹ thuật các nước khác trên thế giới.

NATA đại diện cho Úc tham gia trong ILAC, APLAC và Nhóm công tác của OECD về GLP (Good Laboratory Practices).

b) Về hoạt động chứng nhận: Các tổ chức chứng nhận hoạt động như một doanh nghiệp và phải tuân thủ các quy định liên quan. Hiện nay, theo số lượng ước tính thì tại Úc có hơn 100 tổ chức chứng nhận, được chia thành 2 loại hình: Chứng nhận bắt buộc và chứng nhận tự nguyện. Đối với chương trình chứng nhận tự nguyện, công nhận là không bắt buộc nhưng tổ chức chứng nhận chưa được công nhận gần như không được người tiêu dùng chấp nhận. Như vậy có thể thấy cơ quan quản lý nhà nước và các bên có liên quan tại Úc đã làm tốt công tác tuyên truyền nhận thức của người tiêu dùng.

c) Về hoạt động công nhận: Tại Úc có 02 tổ chức công nhận là NATA và JAS-ANZ, trong đó NATA hoạt động chính trong lĩnh vực công nhận phòng thử

nghiệm/hiệu chuẩn; còn JAS-ANZ hoạt động chính trong lĩnh vực công nhận tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định. Hai tổ chức công nhận này không phải là cơ quan nhà nước nhưng cả hai tổ chức công nhận này đều được Chính phủ Úc và chính quyền các tiểu bang thừa nhận về uy tín và vai trò trong các cơ chế có liên quan đến quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp. Chi tiết được nêu tại mục 3.3 dưới đây.

1.5. Hàn Quốc

1.5.1. Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Hàn Quốc quản lý sản phẩm, hàng hóa theo các Luật, Pháp lệnh, quy định, tiêu chuẩn và các lệnh cấm.

- Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE) có thể chỉ định một tập đoàn hoặc một tổ chức làm cơ quan chịu trách nhiệm cho chứng chỉ an toàn (sau đây gọi là cơ quan chứng nhận an toàn), từ những tập đoàn hoặc tổ chức tham gia hoạt động kinh doanh liên quan đến kiểm soát an toàn sản phẩm để đảm bảo sự an toàn của các sản phẩm được chứng nhận an toàn.

- Một tập đoàn hoặc một tổ chức dự định được chỉ định làm cơ quan chứng nhận an toàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định bởi Nghị định của Tổng thống để được chỉ định, ví dụ như các tiêu chuẩn để kiểm tra cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cần thiết để chứng nhận an toàn, và sẽ nộp đơn đăng ký chỉ định cho Bộ trưởng theo quy định của Pháp lệnh Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE).

Cơ quan chứng nhận an toàn có thể ký kết thỏa thuận với các tổ chức thử nghiệm an toàn trong nước và nước ngoài của các sản phẩm được chứng nhận an toàn, theo đó các kết quả thử nghiệm sản phẩm hoặc nhà máy đánh giá sẽ được công nhận lẫn nhau, theo quy định của Pháp lệnh Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE).

+ Mọi cơ quan chứng nhận an toàn phải nhập và lưu giữ hồ sơ chứng nhận an toàn, theo quy định của Pháp lệnh.

+ Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE) sẽ hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ cơ quan chứng nhận an toàn trong phạm vi cần thiết để đảm bảo an toàn sản phẩm.

1.5.2. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

a) Chứng nhận an toàn

- Nhà sản xuất (bao gồm những người xuất khẩu các sản phẩm ở nước ngoài sang Hàn Quốc, say đây sẽ áp dụng điều tương tự) hoặc nhà nhập khẩu các sản phẩm được chứng nhận an toàn sẽ được chứng nhận an toàn cho từng kiểu sản phẩm như vậy (đề cập đến loại sản phẩm có tên do Pháp lệnh quy định, sau đây cùng áp dụng) từ cơ quan chứng nhận an toàn theo quy định của Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE).

- Nếu nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu các sản phẩm được chứng nhận an toàn có ý định có được chứng nhận an toàn được sửa đổi, nhà sản xuất hoặc nhà

nhập khẩu phải có được chứng nhận sửa đổi từ một cơ quan chứng nhận, theo quy định của Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE): Điều đó sẽ không áp dụng khi nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu thực hiện sửa đổi với bất kỳ vấn đề nào được quy định trong Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE) mà không liên quan đến sự an toàn của sản phẩm có liên quan.

- Một cơ quan chứng nhận an toàn phải chứng nhận sự an toàn của một sản phẩm được chứng nhận an toàn, nếu sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn an toàn cho kiểm nghiệm sản phẩm và các tiêu chuẩn đánh giá xuất xưởng theo quy định và được thông báo công khai bởi Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE): Chứng nhận an toàn có thể chứng nhận sự an toàn của một sản phẩm được chứng nhận an toàn, theo quy định trong Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng; nếu các tiêu chuẩn an toàn chưa được thông báo công khai về sản phẩm hoặc các tiêu chuẩn an toàn được thông báo công khai không được áp dụng cho sản phẩm.

- Khi một cơ quan chứng nhận an toàn chứng nhận an toàn cho sản phẩm, nó có thể đính kèm điều kiện để được chứng nhận, theo quy định của Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE). Các điều kiện kèm theo trong các trường hợp như vậy sẽ không đặt ra nghĩa vụ bất hợp lý đối với các nhà sản xuất.

b) Kiểm tra định kỳ, kiểm tra nội bộ

- Một cơ quan chứng nhận an toàn phải tiến hành kiểm tra định kỳ các vấn đề sau đây hai năm một lần, theo quy định trong các trường hợp khác do trong Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE).

- Các sản phẩm được chứng nhận an toàn phải tiến hành kiểm tra nội bộ đối với các sản phẩm được sản xuất sau khi các sản phẩm đó đã được chứng nhận an toàn, theo Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE), và sẽ được nhập và lưu giữ hồ sơ về các cuộc thanh tra đó.

c) Dấu chứng nhận an toàn

- Nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu sản phẩm được chứng nhận an toàn phải đưa ra bất kỳ dấu nào sau đây (sau đây gọi là dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự) trên sản phẩm được chứng nhận an toàn hoặc trên bao bì của sản phẩm, được quy định trong Pháp lệnh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE). Không ai được đặt dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự trên sản phẩm được chứng nhận an toàn và trên bao bì, trừ khi người đó đã đạt được chứng nhận an toàn là được miễn trừ chứng nhận an toàn hoặc đã vượt qua kiểm tra an toàn.

d) Cấm phân phối, sử dụng các sản phẩm được chứng nhận an toàn mà không có dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự

- Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, nhà phân phối hoặc nhà cung cấp dịch vụ cho thuê các sản phẩm phải đảm bảo an toàn chứng nhận không được bán cũng như cho thuê bất kỳ sản phẩm nào được chứng nhận an toàn mà không có dấu

chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự, cũng không được nhập khẩu, trưng bày hoặc lưu trữ sản phẩm với mục đích bán hoặc cho thuê.

- Không có nhà môi giới bán hàng, đại lý mua hoặc đại lý nhập khẩu các sản phẩm chứng nhận an toàn hoạt động như một người môi giới bán hàng (ngoại trừ các trường hợp người môi giới đặt hàng qua thư được xác định bởi Pháp lệnh về bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử...loại bỏ một sản phẩm không có dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự ngay lập tức khi anh/cô ấy tìm thấy sản phẩm đó từ trung tâm mua sắm trực tuyến do người đó điều hành và yêu cầu người môi giới đặt hàng qua thư để nhập thông tin về nhãn chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự khi họ đăng ký hàng hóa, đồng thời thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo rằng người tiêu dùng có thể tìm thấy thông tin đó), đại lý mua hoặc đại lý nhập khẩu đối với các sản phẩm được chứng nhận an toàn không có dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự.

e) Thu hồi Giấy chứng nhận an toàn

Cơ quan chứng nhận an toàn có thể thu hồi chứng nhận sản phẩm của nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu hoặc có thể ra lệnh cấm nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu sử dụng dấu chứng nhận an toàn hoặc dấu tương tự trong thời gian không quá 6 tháng hoặc lệnh thực hiện các hành động khắc phục, biện pháp cải tiến.

1.6. Nhật Bản:

1.6.1. Các quy định về an toàn sản phẩm

Các quy định về an toàn sản phẩm là thành phần quan trọng để đảm bảo chất lượng của sản phẩm trên thị trường. Sản phẩm sẽ được dán nhãn PS khi đáp ứng các quy định kỹ thuật này và đánh giá sự phù hợp của bên thứ ba. Hiện có 491 sản phẩm ở Nhật Bản chịu sự điều chỉnh của các quy định về an toàn sản phẩm, cụ thể trong 4 đạo luật dưới đây: (1) Luật về An toàn vật liệu và Thiết bị điện (457 sản phẩm); (2) Luật về Kinh doanh khí (8 sản phẩm); (3) Luật về Đảm bảo an toàn và Tối ưu hóa giao dịch Khí dầu mỏ hóa lỏng (16 sản phẩm); (4) Luật về An toàn sản phẩm và người tiêu dùng (10 sản phẩm).

Cục An toàn Sản phẩm trực thuộc Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) có nhiệm vụ cung cấp thông tin và hỗ trợ các vấn đề liên quan đến các quy định về an toàn sản phẩm cho các doanh nghiệp hoạt động tại Nhật Bản.

Để đảm bảo các sản phẩm đang được mua bán trên thị trường tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc, Cục An toàn Sản phẩm sẽ cấp kinh phí và hướng dẫn các cơ quan khác thực hiện công tác giám sát thị trường. Cơ quan được chỉ định sẽ gửi sản phẩm mà họ đã mua trên thị trường đi kiểm định để xác định liệu sản phẩm này có đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan không. Dựa trên các phát hiện trong quá trình kiểm định, cơ quan này sẽ đưa ra khuyến nghị lên METI. Nếu quá trình điều tra phát hiện có hành vi vi phạm, METI sẽ đưa ra hướng dẫn cho nhà cung cấp để cải thiện sản phẩm hoặc quy trình để gỡ bỏ tình trạng không đáp ứng quy định này. Nếu cần thiết, METI có thể yêu cầu nhà cung cấp báo cáo và tiến hành thanh tra tại cơ sở.

1.6.2. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

Khung đánh giá sự phù hợp của Nhật Bản thông qua quá trình công nhận và chứng nhận đã được xây dựng tốt và được hỗ trợ bởi nhiều tổ chức công nhận. Ngoại trừ 02 cơ quan công nhận của nhà nước, tất cả các cơ quan công nhận, tổ chức chứng nhận và phòng thí nghiệm kiểm định và hiệu chuẩn khác ở Nhật Bản đều do doanh nghiệp tư nhân điều hành. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải định kỳ trải qua quá trình công nhận theo tiêu chuẩn liên quan như ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17021 trong khi các tổ chức công nhận phải trải qua đánh giá dựa trên ISO/IEC 17011 bốn năm một lần để duy trì tư cách là bên ký kết MRA/MLA.

Ở Nhật Bản, có 05 cơ quan công nhận là thành viên của ILAC/IAF/APAC, cụ thể:

+ Cơ quan Công nhận Quốc tế Nhật Bản (IAJapan) thuộc Viện Công nghệ và Đánh giá Quốc gia (NITE) là một cơ quan chính phủ quản lý 05 chương trình công nhận: (1) Hệ thống Dịch vụ Hiệu chuẩn của Nhật Bản (JCSS) cho các phòng thí nghiệm hiệu chuẩn; (2) Hệ thống công nhận Phòng thí nghiệm Quốc gia Nhật Bản (JNLA); (3) Hệ thống công nhận của Viện Công nghệ và Đánh giá Quốc gia (ASNITE) cho các phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn và tổ chức chứng nhận sản phẩm; (4) Chương trình công nhận Phòng thí nghiệm Đo lường (MLAP) dành cho các phòng thí nghiệm môi trường.

+ Cơ quan công nhận Nhật Bản (JAB) là cơ quan công nhận lớn nhất tại Nhật Bản, được thành lập vào năm 1993. Đây là tổ chức tư nhân cung cấp phạm vi dịch vụ rộng nhất Nhật Bản, hoạt động trên 09 lĩnh vực công nhận, từ các tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý đến các phòng thí nghiệm y tế.

+ Trung tâm công nhận Phòng thí nghiệm EMC (VLAC) - một tổ chức tư nhân chuyên thực hiện đánh giá các phòng thử nghiệm trong lĩnh vực tương thích điện từ (EMC);

+ Cơ quan công nhận của Nhật Bản công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm (JASC), được điều hành bởi Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI);

+ Trung tâm công nhận ISMS (ISMS-AC) - tổ chức tư nhân chủ yếu công nhận cho các tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý thông tin.

Tính đến tháng 6 năm 2017, đã có 1.050 cơ quan đánh giá sự phù hợp ở Nhật Bản đã được công nhận bởi một trong năm cơ quan công nhận là thành viên của ILAC/IAF/APAC.

Mặc dù mỗi cơ quan công nhận có một vai trò cụ thể trong hệ thống công nhận, nhưng vẫn xảy ra tình trạng chồng chéo trong các dịch vụ do các cơ quan công nhận này cung cấp, có nghĩa là giữa họ có một mức độ cạnh tranh, giúp cho chi phí được giữ ở mức hợp lý. Để giảm hơn nữa các chi phí và rút ngắn thời gian hoàn thành đánh giá, JAB đang nghiên cứu cách cải tiến hệ thống CNTT của mình để giảm chi phí hành chính cũng như khai phá khả năng đánh giá từ xa đối với một số phần của quy trình công nhận. Hội đồng Công nhận

Nhật Bản (JAC) được thành lập vào năm 2006 với mục đích tăng cường độ tin cậy của các hệ thống đánh giá sự phù hợp trên khắp Nhật Bản. JAC cho phép các cơ quan công nhận chia sẻ kinh nghiệm công nhận, nâng cao năng lực kỹ thuật cũng như thúc đẩy việc công nhận trên thị trường. Thành phần của JAC bao gồm năm cơ quan công nhận ở Nhật Bản cùng với nhiều cơ quan khác có tư cách quan sát viên. JAC tổ chức họp vài lần một năm và ban thư ký Hội đồng có trụ sở tại IAJapan.

1.7. Singapore

1.7.1. Quản lý an toàn thực phẩm:

Singapore quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hệ thống các văn bản, bao gồm: các Luật (ví dụ: Luật Kinh doanh Thực phẩm, Luật Kiểm soát Thực vật, Pháp lệnh, các quy định, quy tắc, lệnh cấm....Cụ thể như sau:

Việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm được Chính phủ Singapore quản lý chặt chẽ và phải tuân theo Luật Kinh doanh thực phẩm (Sales of Food Act) năm 2002 được sửa đổi thay thế một số điều vào ngày 07/12/2017, Quy định về thực phẩm (Food Regulations), Quy định về môi trường, sức khỏe cộng đồng (An toàn thực phẩm) (Environmental Public Health Food Hygiene Regulations)... Luật Kinh doanh thực phẩm có hiệu lực để đảm bảo thực phẩm được bày bán tại Singapore là an toàn, phù hợp với người tiêu dùng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Đạo luật cũng đảm bảo việc cung cấp thông tin liên quan đến thực phẩm giúp cho người tiêu dùng đưa ra sự lựa chọn sáng suốt và ngăn chặn hành vi sai lệch liên quan đến bán thực phẩm. Các quy định về thực phẩm của Singapore có các chương quy định rất chặt chẽ về nhiều nội dung trong quá trình sản xuất và tiêu thụ thực phẩm, như quy định về dán nhãn thực phẩm, các chất phụ gia thực phẩm cho phép sử dụng, các thành phần ngẫu nhiên xuất hiện trong thực phẩm, việc sử dụng các khoáng chất, dầu được hydro hóa một phần, quy định về hộp đựng thực phẩm, thực phẩm chiếu xạ ...

Cơ quan thực phẩm Singapore (Singapore Food Agency/SFA) trực thuộc Bộ Bền vững và Môi trường (Ministry of Sustainability and the Environment/MSE) là nơi cấp phép cho các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm (các nhà máy bánh và bánh kẹo bột mì, nhà máy chế biến sữa, các nhà sản xuất mì và mì ống...) hoặc đóng gói với mục đích phân phối cho các nhà bán buôn và bán lẻ. Cơ quan này cũng quản lý các doanh nghiệp bán lẻ thực phẩm, chẳng hạn như nhà hàng, quán cà phê, quán ăn nhẹ, siêu thị, toa xe thực phẩm di động và nhà cung cấp thực phẩm, lò mổ, kho lạnh bảo quản các sản phẩm thịt/cá. Với tư cách là cơ quan quốc gia về an toàn thực phẩm ở Singapore, SFA đã thiết lập một hệ thống an toàn thực phẩm tích hợp một cách hiệu quả để đảm bảo rằng thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Tất cả các cơ sở thực phẩm đều được kiểm tra thường xuyên. Thực phẩm sản xuất tại các cơ sở này cũng phải được phân tích trong phòng thí nghiệm để kiểm tra tuân thủ Quy định về thực phẩm. Tất cả các cơ sở thực phẩm được đánh giá và phân loại theo cấp độ: A, B, C và D theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Việc kiểm tra được thực hiện ở các nội dung sau: Điều kiện chung của cơ

sở, vận hành kho chứa, các bước chuẩn bị thực phẩm, thiết bị chế biến thực phẩm được sử dụng, tình trạng dịch hại, xe giao hàng, thực hành xử lý thực phẩm, vệ sinh cá nhân của người công nhân, ghi nhãn chi tiết thực phẩm đóng gói sẵn, chương trình kiểm soát chất lượng nội bộ, đào tạo nhân viên về an toàn vệ sinh thực phẩm, tài liệu và hồ sơ lưu trữ, ...

Ô nhiễm thực phẩm có thể xuất hiện ở bất cứ khâu nào trong chuỗi cung ứng thực phẩm từ quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Đó có thể là kết quả của một số dạng ô nhiễm môi trường bao gồm ô nhiễm nước, đất hoặc không khí, cũng như việc bảo quản và chế biến thực phẩm không an toàn. Do đó, việc áp dụng một hệ thống quản chất lượng và an toàn thực phẩm là yêu cầu bắt buộc.

Singapore đã áp dụng hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Points) như khung phân tích và quản lý rủi ro an toàn thực phẩm đối với công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp bán lẻ tại Singapore. Tất cả các đơn vị sản xuất và dịch vụ thực phẩm cần phải áp dụng hệ thống này. HACCP là hệ thống giúp nhận diện, đánh giá, và kiểm soát các mối nguy hiểm ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích và kiểm soát các mối nguy sinh học, hóa học, vật lý và các tác nhân dị ứng từ nguyên liệu thô, quá trình mua và xử lý nguyên liệu, đến quá trình sản xuất, phân phối và tiêu thụ thành phẩm. Bên cạnh đó, việc áp dụng các chương trình tiên quyết như Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice/GMP), chương trình vệ sinh và khử trùng, kiểm soát dịch bệnh đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo thực hiện thành công hệ thống HACCP.

SFA cũng hỗ trợ xây dựng kế hoạch HACCP cho các cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ thực phẩm ở địa phương được lựa chọn. Đồng thời thực hiện việc kiểm tra thực hiện HACCP với các cơ sở được lựa chọn và đề xuất các hành động khắc phục đối với các điểm kiểm soát trọng điểm đã được xác định.

Bên cạnh đó, Singapore cũng áp dụng quy tắc Thực hành nông nghiệp tốt trong canh tác rau (Good Agriculture Practice for vegetable farming/GAP-VF) để đảm bảo an toàn cho sản phẩm cây trồng và áp dụng Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt trong chăn nuôi cá (Good Aquaculture Practice for fish farming/GAP-FF) để đảm bảo chất thủy sản đầu vào... Đồng thời ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất.

Có thể thấy, việc quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm được thực hiện một cách có hiệu quả tại Singapore. Với việc kiểm soát một cách chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu, phân phối và tiêu thụ sản phẩm thực phẩm cùng với việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý thực phẩm đã tạo ra những thay đổi trong các nỗ lực tiêu chuẩn hóa theo hướng thúc đẩy tăng trưởng, tăng năng suất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và hỗ trợ các nhu cầu xã hội và đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường.

1.7.2. Quản lý an toàn thiết bị điện-điện tử và khí hóa lỏng

Theo Quy định Bảo vệ Người tiêu dùng (Yêu cầu về an toàn) (CPSR) quy định danh mục 33 loại thiết bị và linh kiện điện, điện tử gia dụng và khí hóa lỏng phải được quản lý về an toàn, phải được thử nghiệm theo các tiêu chuẩn an toàn

cụ thể và phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền (Văn phòng An toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSO) thuộc Enterprise Singapore) và được gắn dấu "Safety mark" trước khi được bán trên thị trường Singapore.

Việc đăng ký 33 loại hàng hóa nêu trên dựa trên Giấy chứng nhận phù hợp (CoC) do tổ chức chứng nhận (CAB) được chỉ định cấp hoặc tự công bố của nhà cung cấp/sản xuất (SDoC).

Các sản phẩm được quản lý theo CPSR được phân loại theo mức độ rủi ro an toàn của chúng (rủi ro thấp, rủi ro trung bình, rủi ro cao). Ví dụ: Sản phẩm có rủi ro thấp (Máy điều hòa sử dụng trong phòng; Đèn bàn; Cầu chì (≤ 13 ampe để sử dụng trong phích cắm)); Sản phẩm rủi ro trung bình (bộ đổi nguồn AC; quạt gia dụng; dụng cụ chăm sóc tóc; lò vi sóng); Sản phẩm có rủi ro cao (Thiết bị nấu ăn bằng gas; bình đun nước nóng; tủ lạnh).

1.8. Malaysia

Malaysia quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và đánh giá sự phù hợp theo hệ thống các văn bản quy pháp luật, bao gồm các Luật và các văn bản dưới Luật (Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, quy định).

Malaysia là quốc gia nhập siêu và khá khó tính trong việc lựa chọn hàng hóa để sử dụng và tiêu chuẩn của họ cũng khá cao đồng thời thủ tục không dễ thực hiện. Có rất nhiều nhà sản xuất muốn đưa sản phẩm của mình vào thị trường Malaysia nhưng có quá nhiều trở ngại đối với họ, và một trong những trở ngại chính và khó khăn nhất là hàng hóa xuất khẩu phải được chứng nhận hợp chuẩn theo tiêu chuẩn Malaysia và Sirim QAS International Sdn.Bhd (Viện nghiên cứu công nghiệp và tiêu chuẩn Malaysia) là đơn vị chứng nhận. Dấu chứng nhận tiêu chuẩn Malaysia (MS) đóng trên một sản phẩm đảm bảo rằng hàng hóa đó được sản xuất theo một hệ thống giám sát, kiểm soát và thử nghiệm được vận hành trong quá trình sản xuất và bao gồm công tác kiểm tra định kỳ sản phẩm của các nhà sản xuất theo chương trình cấp giấy chứng nhận của Sirim.

Tên chính thức của giấy chứng nhận này là Product Certificate License, nhưng vì giấy chứng nhận này được chấp thuận bởi Sirim QAS International nên nhiều người thường gọi là chứng nhận Sirim. Các công ty có chứng nhận theo chương trình chứng nhận quản lý của SIRIM QAS International sẽ có thể hiển thị các nhãn hiệu được công nhận rộng rãi tại thị trường Malaysia. Một số nhóm sản phẩm được SIRIM QAS International chứng nhận bao gồm: Nông lâm sản; Dầu khí và năng lượng; Vật liệu xây dựng; Điện và điện tử; Y tế; Hóa chất và vật liệu; Nhà máy, máy móc; Thực phẩm...

2. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI)

Hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure, NQI) phản ánh chất lượng và hiệu quả của sự phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia và là một phản ánh quan trọng về khả năng cạnh tranh toàn diện của một quốc gia. Môi trường thể chế và đặc điểm cơ chế của phát triển NQI rất khác nhau giữa các quốc gia, nhưng xét từ quan điểm của con đường phát triển toàn cầu, tất cả các quốc gia đều trải qua quá trình phân cấp để thống nhất, phối hợp và hội nhập,

trong đó chú trọng hơn đến chiến lược, đổi mới và quốc tế, để nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của họ bằng cách nâng cao năng lực công nghệ NQI.

Về địa vị chiến lược, nhiều quốc gia và khu vực phát triển đã nâng việc hợp nhất NQI lên tầm chiến lược quốc gia. Ví dụ, Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Vương quốc Anh, Đức và Pháp đã phát triển và phát hành các chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia để nêu bật vị trí chiến lược của tiêu chuẩn hóa trong mối quan hệ với phát triển kinh tế quốc gia và thúc đẩy việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia với tư cách quốc tế. Quốc hội Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật Cải thiện Chất lượng Quốc gia Malcolm Baldrige năm 1987 và thiết lập các chương trình hỗ trợ chính cho các tiêu chuẩn và đo lường ở cấp quốc gia. Đức đã thực hiện chính sách quốc gia “Thúc đẩy xây dựng thương hiệu với chất lượng và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm bằng thương hiệu”, trong đó đo lường đóng vai trò hỗ trợ quan trọng và các tiêu chuẩn đóng góp hơn 30% vào tăng trưởng kinh tế quốc gia. Tại Nhật Bản, kế hoạch “Sáng kiến Cụm tri thức” được phát triển để tích hợp dần chức năng của các yếu tố trong cơ sở chất lượng công nghiệp và công nghệ, để sự hỗ trợ lẫn nhau có thể có tác động tổng thể.

Về luật và quy định, các luật và quy định về NQI của các nước phát triển đã được xây dựng tương đối đầy đủ và có thể được sửa đổi kịp thời để đáp ứng các yêu cầu liên quan theo sự thay đổi của kinh tế xã hội và cạnh tranh thương mại quốc tế. Ví dụ: Hiến pháp Hoa Kỳ và Bộ luật Hoa Kỳ quy định cụ thể về quản lý đo lường và Đạo luật Tiến bộ và Chuyển giao Công nghệ Quốc gia năm 1995 (NTTAA 1995) đã được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua vào tháng 3 năm 1996. Đạo luật nhấn mạnh vai trò quan trọng của đổi mới công nghệ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, làm rõ sự phối hợp của các tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia (NIST), đồng thời quy định việc sử dụng các tiêu chuẩn trong mua sắm và pháp luật của chính phủ, cũng như tham gia vào sự phát triển của các tiêu chuẩn. Năm 1999, Hàn Quốc ban hành Đạo luật khung về tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm các điều khoản về việc thiết lập hệ thống tiêu chuẩn hóa, đo lường và đánh giá sự phù hợp, để thực hiện các quy định tại Điều 128 của Hiến pháp thể hiện rằng Hàn Quốc sẽ thiết lập một hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, do đó đã xây dựng hệ thống pháp luật NQI tương đối mạnh.

Về cơ chế vận hành, cơ chế thị trường đóng vai trò quyết định đối với việc phân bổ nguồn lực của NQI ở các nước phát triển. Ngoài các tiêu chuẩn quốc gia, các nước phát triển có một số lượng lớn các tiêu chuẩn do các thành phần tư nhân xây dựng và có một cơ chế phối hợp tốt giữa hai bên. Có thể thực hiện như lĩnh vực đo lường. Mặt khác, ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Đức và các quốc gia khác, chính phủ chịu trách nhiệm duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc đo lường của các tiêu chuẩn về đo lường. Mặt khác, khuyến khích nguồn vốn tư nhân đầu tư, tận dụng tối đa các nguồn lực xã hội để đáp ứng nhu cầu đo lường, hiệu chuẩn của thị trường. Trong lĩnh vực chứng nhận và công nhận, các cơ quan chính đứng sau các tổ chức chứng nhận ở các nước phát triển bao gồm các cơ quan chính phủ và viện nghiên cứu khoa học, cũng như nhiều tổ chức xã hội có trình độ chuyên môn cao, uy tín xã hội và sức mạnh tài chính. Trong lĩnh vực

kiểm tra và thử nghiệm, chính phủ nói chung không can thiệp trực tiếp vào sự phát triển hoạt động của các tổ chức kiểm tra bên thứ ba theo định hướng thị trường hoạt động trong một môi trường thị trường công bằng vì sự phát triển tự do và tăng trưởng của cạnh tranh.

Về hỗ trợ tài chính, các nước phát triển đã chú trọng đầu tư hỗ trợ tài chính cho lĩnh vực NQI. Hoa Kỳ đã triển khai Đối tác Mở rộng Sản xuất vào năm 1988 để cung cấp hỗ trợ tài chính liên tục, hỗ trợ NQI và đào tạo cho các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ thông qua quan hệ đối tác công tư liên quan đến tài trợ liên bang, chính quyền bang, hiệp hội và các quỹ tư nhân khác. Năm 2007, Pháp bắt đầu “Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tham gia vào Chương trình tài trợ hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Châu Âu và Quốc tế” với khoản trợ cấp hàng năm là 500 000 Euro để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia.

Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia của Trung Quốc

Trung Quốc đã thiết lập hệ thống quản lý NQI tương đối hoàn chỉnh xoay quanh các trụ cột: tiêu chuẩn, đo lường, chứng nhận và công nhận, khả năng kiểm tra và thử nghiệm tiếp tục được cải thiện; NQI tiếp tục củng cố toàn diện; sự phát triển của các tổ chức hỗ trợ kỹ thuật tiếp tục tiến bộ. Cả trình độ công nghệ và dịch vụ NQI của Trung Quốc đều đã được cải thiện đáng kể, thể hiện vai trò dẫn đầu của nền tảng trong việc thúc đẩy chuyển đổi và phát triển kinh tế càng được đề cao.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đẩy nhanh thực hiện các Chương trình như “Chiến lược phát triển thúc đẩy đổi mới”, “Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới”, “Đề cương Chương trình trung và dài hạn quốc gia về Phát triển Khoa học và Công nghệ (2006–2020)”, “Chiến lược quốc gia về phát triển theo định hướng đổi mới - Tầm nhìn và hành động về chung sức xây dựng vành đai kinh tế”, “Con đường tơ lụa và con đường tơ lụa trên biển Thế kỷ 21” và các tài liệu khác đều nhấn mạnh của NQI cần được chú trọng sự phát triển nhanh hơn nữa. Chính quyền địa phương cũng đã xây dựng các kế hoạch hoặc hướng dẫn phát triển tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, đồng thời đề xuất tăng cường xây dựng NQI và nâng cao mức độ tiêu chuẩn hóa. Vai trò của NQI trong việc thúc đẩy nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế khu vực, nâng cao năng lực quản trị của chính phủ và thúc đẩy mức độ mở cửa cao với thế giới bên ngoài ngày càng được chú ý.

Từ quan điểm kỹ thuật, năng lực cốt lõi của NQI ở Trung Quốc đang được cải thiện. Cụ thể, vai trò bình thường hóa của các tiêu chuẩn được đề cao hơn nữa; số lượng các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu ngày càng tăng; khả năng tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế đã được nâng cao đáng kể. Vai trò cơ bản của đo lường đã được tăng cường hơn nữa và Trung Quốc đã trở thành một trong số ít quốc gia trên thế giới có hệ thống đo lường tần số thời gian độc lập và hoàn chỉnh. Vai trò cầu nối của chứng nhận và công nhận được tăng cường hơn nữa, ngày càng đóng vai trò tích cực trong quá trình chứng nhận và tiêu chuẩn công nhận quốc tế, xây dựng quy tắc và xây dựng hệ thống thừa nhận

lẫn nhau. Vai trò phục vụ của việc kiểm tra và thử nghiệm đã được đề cao hơn nữa. Ngành công nghiệp thử nghiệm, giám định và chứng nhận đã hội nhập sâu rộng vào hệ thống công nghiệp hiện đại và vai trò chủ đạo của công tác kiểm tra và thử nghiệm trong nền kinh tế và xã hội ngày càng trở nên rõ ràng. Trong số “ba khía cạnh an toàn chính”: an toàn sản phẩm tiêu dùng, an toàn kiểm tra xuất nhập cảnh và kiểm dịch; an toàn thiết bị chuyên dụng; kiểm tra và thử nghiệm đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia của Úc

Hệ thống NQI ở Úc được thiết lập bao gồm về tiêu chuẩn hóa, hệ thống đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp và giám sát thị trường. Cơ quan tiêu chuẩn tập trung vào hoạt động cốt lõi của mình là phát triển tiêu chuẩn và đóng một vai trò tích cực trong quy trình thiết lập tiêu chuẩn quốc tế trong tương lai như chuỗi khối (blockchain) và thành phố thông minh.

Viện Đo lường Quốc gia (NMI) chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì các đơn vị đo lường, tiêu chuẩn đo lường và để điều phối hệ thống đo lường quốc gia của Úc; thực hiện, phát triển, duy trì và phổ biến các tiêu chuẩn đo lường hàng đầu của Úc về các phép đo vật lý, hóa học và sinh học, tiến hành nghiên cứu các phép đo mới và chịu trách nhiệm về đo lường pháp lý của Úc. NMI cũng hỗ trợ các yếu tố khác của tiêu chuẩn và cơ sở hạ tầng tuân thủ bằng cách đóng góp kiến thức chuyên môn về đo lường cho các hoạt động có liên quan (ví dụ: các chuyên gia NMI làm việc với NATA về công nhận phòng thử nghiệm và thử nghiệm thành thạo. Các chuyên gia NMI cũng là thành viên của các phái đoàn của Úc tham dự các Ủy ban tiêu chuẩn hóa quốc tế của ISO, Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC) và Liên minh Viễn thông Quốc tế.

Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia của Hàn Quốc

Hệ thống NQI ở Hàn Quốc được thiết lập bao gồm về tiêu chuẩn hóa, hệ thống đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp. Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOCIE) quản lý hệ thống tiêu chuẩn quốc gia bằng cách soạn thảo và thực thi các luật và quy định liên quan đến tiêu chuẩn ở Hàn Quốc. Bộ cam kết cung cấp nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bằng cách kết hợp các nỗ lực để hoàn thành nhiều trách nhiệm trong các lĩnh vực Đầu tư, thương mại, công nghiệp, năng lượng.... Có nhiều cơ quan chính phủ và phi chính phủ khác thực hiện đánh giá sự phù hợp của quốc gia.

Luật khung về tiêu chuẩn quốc gia quy định chi tiết về việc thiết lập hệ thống tiêu chuẩn hóa, đo lường và đánh giá sự phù hợp, ba yếu tố của hạ tầng chất lượng quốc gia. Cụ thể, Chương 3, Điều 17 của *Luật khung về Tiêu chuẩn Quốc gia* về Cân đo Pháp quyền quy định rằng các vấn đề liên quan sẽ được điều chỉnh bởi các quy định của *Đạo luật Cân Đo*, và Chương 3, Điều 18 của cùng một đạo luật về Ban hành và Phổ biến Tiêu chuẩn Văn bản quy định các vấn đề liên quan phải được điều chỉnh bởi các quy định của các đạo luật liên quan đến tiêu chuẩn hóa sản phẩm, chẳng hạn như *Luật tiêu chuẩn hóa công nghiệp* và *Luật khung về phát triển truyền thông*.

Ngoài ra, thông qua các luật riêng mà các bộ ngành ban hành/ thực thi, mỗi bộ, ngành điều hành các hệ thống riêng biệt theo *Luật khung về tiêu chuẩn quốc gia* theo cách thức phù hợp với bộ hoặc ngành tương ứng để chuẩn hóa các tiêu chuẩn văn bản và quy chuẩn kỹ thuật, tiến hành các dự án duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc đo lường của các thiết bị đo lường do các bộ liên quan quản lý và vận hành các tổ chức thử nghiệm/giám định và hệ thống đánh giá sự phù hợp. Ví dụ: một số bộ ban hành/ thực thi các đạo luật trong lĩnh vực đo lường và đánh giá sự phù hợp, chẳng hạn như *Luật Thử nghiệm và Giám định Môi trường* của Bộ Môi trường và *Luật Thử nghiệm và Giám định trong Ngành Thực phẩm và Dược phẩm* của Bộ Thực phẩm và An toàn thuốc. Trong các đạo luật nêu trên, cấp quản lý cần tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế thông qua các dự án nâng cao độ chính xác của công nghệ thử nghiệm và giám định để đảm bảo năng lực của các tổ chức thử nghiệm và giám định, các dự án đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo *Đạo luật khung về tiêu chuẩn quốc gia*, các dự án nâng cao độ tin cậy của các tổ chức thực hiện thử nghiệm/giám định và các tổ chức khác.

Hàn Quốc đã áp dụng chính sách cân bằng khu vực để thúc đẩy sự phát triển của các vùng, tránh xa lực lượng kinh tế thu hút chi phối của khu vực thủ đô Seoul. Hàn Quốc đã công bố Kế hoạch Phát triển Cân bằng Khu vực 5 năm lần thứ tư (2018–2022) tại Ủy ban Tổng thống về Phát triển Cân bằng Quốc gia vào tháng 1 năm 2019 và đề xuất chín chiến lược chính trong ba lĩnh vực trọng tâm là con người, không gian và công nghiệp. Một trong những chiến lược hàng đầu là nâng cao chất lượng sản xuất và dịch vụ trên toàn quốc và các trung tâm kinh tế khác của quốc gia. Một chính sách cho tầm nhìn dài hạn về phát triển cân bằng quốc gia đòi hỏi một môi trường thực hiện nhất quán và ổn định. Thứ hai, để thực hiện bền vững Chính sách cân bằng khu vực, cần có sự phối hợp, chẳng hạn như liên kết liên ngành và đa chiều giữa các vùng và cách tiếp cận từ dưới lên do chính quyền địa phương và người dân địa phương dẫn dắt.

Các định hướng phát triển chính của Chính sách Cân bằng Khu vực hỗ trợ QI của Hàn Quốc là: (1) Lĩnh vực dịch vụ, thương mại và du lịch: Ưu tiên phát triển **các dịch vụ chất lượng cao** trong các lĩnh vực vận tải, tư vấn, thiết kế, phát minh/sáng chế, tài chính/ngân hàng, viễn thông, giáo dục/đào tạo, chăm sóc y tế chất lượng cao, thương mại, du lịch, khoa học và Công nghệ; Phát triển hệ thống kho bãi theo tiêu chuẩn quốc tế, gắn với đường cao tốc, tuyến ven biển, cửa khẩu, hệ thống cảng; Phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, mở rộng vùng phủ sóng với băng thông lớn, chất lượng cao trên diện rộng; (2) Lĩnh vực công nghiệp: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp gồm điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông, cơ khí, sửa chữa và đóng tàu, thép chất lượng cao và vật liệu xây dựng mới, hóa chất/dược phẩm, công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt may; (3) Nông nghiệp: Bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng theo hướng nâng cao an toàn sản xuất, phòng chống lũ lụt, nâng cao hiệu quả trên 1 ha đất canh tác. Đẩy mạnh sản xuất nông sản hàng hóa **chất lượng cao** phục vụ nhu cầu công nghiệp chế biến, tiêu dùng đô thị và xuất khẩu; (4) Thủy sản: Tập trung phát triển nuôi trồng các loại đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng; (5) Trong

lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đào tạo **nguồn nhân lực có chất lượng** đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh tế biển, tận dụng tối đa các trường đại học và cơ sở giáo dục đại học hiện có.

Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia của Singapore

Hệ thống NQI ở Singapore được thiết lập bao gồm về tiêu chuẩn hóa, hệ thống đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp.

Được thành lập dưới sự quản lý của Bộ Thương mại và Công nghiệp, Enterpsise Singapore là cơ quan công nhận và tiêu chuẩn quốc gia của Singapore. Enterpsise Singapore quản lý chương trình tiêu chuẩn hóa quốc gia của Singapore và quản lý Hội đồng Công nhận Singapore (SAC), cơ quan quốc gia của Singapore về việc công nhận độc lập các tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Các tiêu chuẩn do Enterpsise Singapore phát triển là tự nguyện, nhưng có thể trở thành bắt buộc nếu được các cơ quan quản lý áp dụng. Khoảng 40% tất cả các tiêu chuẩn được các cơ quan quản lý sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực quan trọng liên quan đến an toàn và sức khỏe. Do một trong những mối quan tâm chính ở Singapore là bảo vệ hình ảnh thân thiện với doanh nghiệp, các cơ quan quản lý rất thận trọng trong việc tạo thêm gánh nặng về quy định cho các doanh nghiệp.

Enterpsise Singapore là cơ quan tiêu chuẩn và công nhận quốc gia. Enterpsise Singapore có nhiệm vụ kép: (i) giúp các doanh nghiệp Singapore phát triển và xây dựng niềm tin vào các sản phẩm và dịch vụ của Singapore; và (ii) đóng vai trò là cơ quan công nhận và tiêu chuẩn quốc gia bằng cách xây dựng và thúc đẩy hạ tầng đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.

Với vai trò là cơ quan công nhận và tiêu chuẩn quốc gia, Enterpsise Singapore chịu trách nhiệm quản lý Chương trình Tiêu chuẩn hóa Singapore và Chương trình Công nhận Singapore, xây dựng các chính sách, chiến lược, chương trình và thủ tục của các chương trình; xuất bản các tiêu chuẩn tự nguyện của Singapore (SS) và Tài liệu tham khảo kỹ thuật (TR); và bảo vệ lợi ích của Singapore trên các diễn đàn tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

Enterpsise Singapore cũng giám sát các quy định về an toàn sản phẩm, an toàn cho người tiêu dùng, chương trình Cân Đo, cũng như các hoạt động thương mại công bằng. Liên quan đến an toàn sản phẩm, Hàng hóa được Kiểm soát thuộc 45 danh mục sản phẩm điện gia dụng, điện tử và gas phải được đăng ký với Enterpsise Singapore và mang Dấu AN TOÀN trước khi có thể được bán tại Singapore. Enterpsise Singapore cũng có quyền điều tra và ngừng cung cấp các sản phẩm (hàng tiêu dùng nói chung như đồ chơi, sản phẩm trẻ em, quần áo, đồ nội thất, thiết bị thể thao, dụng cụ tự làm (DIY) và các mặt hàng gia dụng khác) không đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn hiện hành theo quy định Quy định về Yêu cầu An toàn Hàng tiêu dùng (CGSR). Chương trình Cân Đo nhằm bảo vệ người tiêu dùng và doanh nghiệp bằng cách quy định việc sử dụng các dụng cụ cân đo cho thương mại và hàng hóa đóng gói sẵn.

Là một nền kinh tế nhỏ và có độ mở, việc thiết lập chính sách tiêu chuẩn của Singapore có xu hướng tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện có. Ngoài ra, với khối lượng thương mại tương đối lớn, Singapore rất chú ý tới việc đảm bảo rằng các tiêu chuẩn sẽ không đóng vai trò là rào cản đối với thương mại và tạo gánh nặng không cần thiết cho doanh nghiệp.

Sự quan tâm lớn của Singapore trong việc áp dụng cách tiếp cận quản lý thân thiện với doanh nghiệp đã dẫn đến sự linh hoạt trong việc áp dụng các tiêu chuẩn để các doanh nghiệp không phải chịu quá nhiều áp lực từ các quy định pháp luật. Chỉ có 40% các tiêu chuẩn được viện dẫn trong các quy định, phần còn lại được cung cấp dưới dạng “các quy tắc thực hành đã được phê duyệt” để các doanh nghiệp áp dụng như là các thông lệ tốt nhất. Các tiêu chuẩn được luật hóa chính thức có thể tạo ra sự không linh hoạt: nếu sửa đổi các tiêu chuẩn thì cũng sẽ phải sửa đổi luật. Các lĩnh vực quan trọng như sức khỏe và an toàn thường được quản lý, nhưng nếu không, các doanh nghiệp có thể tự do áp dụng các thông lệ tốt nhất của mình. Về bản chất, cần phải giữ cho chi phí kinh doanh thấp nhưng vẫn có các tiêu chuẩn có ý nghĩa.

Đối với Enterpsise Singapore, thách thức chính là phần lớn các doanh nghiệp không nhận thức được lợi ích và chi phí của việc áp dụng các tiêu chuẩn. Một số doanh nghiệp thậm chí không nhận ra rằng họ cần các tiêu chuẩn cho đến khi cố gắng tiếp cận một thị trường nhất định. Hiện tại, các cơ quan chính phủ vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và sự quan tâm của các ngành trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn. Để nâng cao nhận thức, Enterpsise Singapore sử dụng các phương tiện truyền thông như báo và tạp chí để thông báo về lợi ích của việc tiêu chuẩn hóa cho người dân. Đôi khi, các hội thảo được tổ chức để đưa ra các tiêu chuẩn mới có thể mang lại lợi ích cho nhiều bên liên quan (ví dụ, các tiêu chuẩn ISO về chống hối lộ được đưa ra cùng với CPIB).

Phần thứ hai

BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG THI HÀNH LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

I. Nội dung về xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (gọi tắt là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành

1. Tồn tại, vướng mắc

a) Về xác định sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

- Hiện nay, có Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhưng chưa có QCVN để quản lý hoặc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục có tên nhóm hàng hóa nhưng chưa có đầy đủ chi tiết mặt hàng và mã số HS (HS Code) hoặc có Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 bao trùm cả đối tượng hàng hóa phải kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm. Điều này dẫn đến những vướng mắc đối với tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo luật định.

- Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo cách thức quản lý riêng dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện. Ví dụ:

+ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục quy định cụ thể các mặt hàng thực hiện kiểm tra chất lượng trước thông quan và sau thông quan.

+ Bộ Giao thông vận tải ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan (đối với nhập khẩu), trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp) và Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp quy (Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022).

+ Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy và Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy (Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023).

- Một số Bộ quản lý ngành, lĩnh vực không rõ cơ sở khoa học về khả năng gây mất an toàn của sản phẩm, hàng hóa khi đưa vào Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 hay việc sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 không kịp thời với nhu cầu cần quản lý.

- Trong thực tế triển khai cho thấy có những sản phẩm, hàng hóa giai đoạn này thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật, nhưng giai đoạn sau được đưa ra khỏi Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, tức là đã chuyển thành hàng hóa nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng. Luật CLSPHH chưa quy định việc điều chỉnh đối với các loại sản phẩm, hàng hóa này. Luật

CLSPHH phân chia hàng hóa thành 02 loại theo mức độ an toàn, trên thực tế độ an toàn và chất lượng sản phẩm là hai phạm trù không hoàn toàn giống nhau, có những sản phẩm, hàng hóa có độ an toàn cao nhưng có thể chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí về chất lượng, ngược lại có những sản phẩm có chất lượng tốt nhưng mức độ an toàn chưa cao.

b) Về hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa được giao cho nhiều ngành, lĩnh vực quản lý, có những sản phẩm chịu sự quản lý của nhiều bộ, ngành, phải áp dụng nhiều biện pháp kiểm tra chuyên ngành do quy định phân công quản lý tại các luật chuyên ngành khác nhau, dẫn đến còn có sự chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, ví dụ: có những mặt hàng vừa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu do Bộ Công Thương quản lý vừa phải kiểm tra chất lượng do bộ, ngành khác quản lý như quạt điện, tủ lạnh, tủ kết đông, bóng đèn huỳnh quang...

- Việc triển khai thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, lưu thông trên thị trường còn có những khó khăn như: chưa xây dựng được đội ngũ kiểm soát viên chất lượng độc lập; các cơ quan chuyên môn ở địa phương rất ít cơ quan có đơn vị, phòng hoặc có công chức phụ trách lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa; năng lực của các tổ chức chứng nhận, thử nghiệm sản phẩm trong nước phục vụ quản lý nhà nước còn hạn chế.

- Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của một số bộ, ngành còn chưa hoàn toàn theo các quy định của Luật CLSPHH là một trong những nguyên nhân dẫn đến kéo dài thời gian lưu trữ hàng hóa của doanh nghiệp ở cửa khẩu, gây khó khăn, tốn kém và mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp. Theo quy định, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở Trung ương là các tổng cục, cục thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc cơ quan kiểm tra chất lượng ở địa phương là các sở, chi cục. Tuy nhiên, lực lượng cơ quan kiểm tra còn mỏng, hàng hóa nhập khẩu vào nước ta thì qua rất nhiều đường khác nhau, nhiều địa phương khác nhau dẫn đến không kịp thời thực hiện hoạt động kiểm tra và kéo dài thời gian, do đó cần nghiên cứu, bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

- Hiện nay, có nhiều bộ, ngành đã triển khai thủ tục kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu trên Cơ chế một cửa quốc gia. Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành chưa triển khai đồng bộ, thống nhất toàn bộ các thủ tục kiểm tra chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý.

- Một số quy định của Luật CLSPHH chưa bao quát được hết các trường hợp phát sinh trong hoạt động kiểm tra, ví dụ theo quy định tại Luật CLSPHH thì hàng hóa nhóm 2 phải công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy. Để hoàn thành thủ tục kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa, doanh nghiệp nhập khẩu phải thực

hiện qua 02 bước: (1) Lấy mẫu để đánh giá sự phù hợp tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định; (2) Thực hiện thủ tục kiểm tra tại cơ quan kiểm tra nhà nước. Hàng hóa nhập khẩu phải được cấp Thông báo kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu về chất lượng để được làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa với cơ quan hải quan. Tuy nhiên, thực tế triển khai và theo quy định tại Nghị định hướng dẫn (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) không thống nhất với quy định tại Luật CLSPHH.

2. Nguyên nhân

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, nguyên nhân chủ yếu là do các Bộ, ngành chưa tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn luật; có sự chòng chéo trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về an toàn thực phẩm, pháp luật về hiệu suất năng lượng, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động nên dẫn đến còn có sự chòng chéo trong hoạt động kiểm tra, thanh tra; một số Bộ, ngành chưa thực hiện theo đúng quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chưa ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; một số Bộ, ngành chưa triển khai đồng bộ, thống nhất toàn bộ các thủ tục kiểm tra chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý trên Cơ chế một cửa quốc gia. Đồng thời, một số quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã không còn phù hợp với thực tế hiện nay, cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

II. Nội dung về ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Tồn tại, vướng mắc

Việc quy định quản lý nhà nước về mã số, mã vạch đã được quy định từ hơn 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số, mã vạch. Để triển khai thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN ngày 23/8/2006 và Thông tư số 16/2011/TT-BKHHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý MSMV” ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN) và ngày 30/12/2020 đã ban hành Thông tư số 10/2020/TT-BKHHCN quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sử dụng mã số, mã vạch (thay thế 02 Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHHCN).

Mã số, mã vạch là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được sử dụng bởi tất cả các bên trong chuỗi cung ứng như nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng... Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mã số, mã vạch là tiện ích đóng vai trò to lớn trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong

chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Trong quản lý chất lượng sản phẩm, mã số, mã vạch là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.

Mã số, mã vạch giúp thúc đẩy thương mại và hội nhập quốc tế thông qua việc: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử toàn cầu; giúp truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuận lợi, cung cấp dữ liệu sản phẩm cho đối tác thương mại; tích hợp với dữ liệu hải quan và cơ quan thuế nhằm tạo thuận lợi cho khai báo, thông quan, tính thuế; hỗ trợ kiểm soát luồng hàng xuất nhập khẩu.

Hiện nay, các nước đang tăng cường kiểm tra nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thông qua việc ứng dụng mã số, mã vạch. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng giữa các quốc gia, gian lận xuất xứ đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của các doanh nghiệp chân chính, uy tín của các sản phẩm và môi trường kinh doanh từng quốc gia. Để ngăn chặn gian lận xuất xứ từ việc biến một nước nào đó thành điểm trung chuyển hàng xuất khẩu giả sang nước thứ ba, một số nước đã áp dụng các biện pháp trấn áp hàng giả và gian lận xuất xứ để đảm bảo uy tín của sản phẩm, hàng hóa của quốc gia mình.

Cũng như nhiều quốc gia, ở Việt Nam, cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý có thẩm quyền chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép. Việc xác minh sử dụng mã nước ngoài, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc ghi nhãn hàng hóa lưu thông để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm tại Việt Nam sẽ giúp cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế và đồng thời minh bạch hóa nguồn gốc của các sản phẩm trên thị trường, tăng uy tín đối với khách hàng.

Từ những lý do trên, ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch; ngày 21/01/2022, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường, trong đó đã bổ sung quy định quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề chuyển đổi số sẽ giúp mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo ra giá trị mới nhờ việc cung cấp

cho khách hàng những trải nghiệm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước. Việc định danh, mã hóa và thu thập thông tin dạng máy đọc là tiền đề để có thể số hóa, trao đổi dữ liệu điện tử giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng và là nền tảng cho giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử. Đồng thời, Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia có thể hỗ trợ hiện thị/tham chiếu/chuyển tiếp đến các dữ liệu chỉ dẫn địa lý, dữ liệu bản đồ trực tuyến, dữ liệu atlas điện tử khi các nguồn dữ liệu này sẵn sàng. Các hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa sẽ được phép sử dụng các dữ liệu chỉ dẫn địa lý, dữ liệu bản đồ trực tuyến, dữ liệu atlas điện tử khi việc đồng bộ nêu trên sẵn sàng.

Do đó, để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng mã số mã vạch trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần xem xét, bổ sung vào trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là rất cần thiết.

2. Nguyên nhân

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, nguyên nhân chủ yếu là do Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định cụ thể nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch. Do đó, cần được nghiên cứu, bổ sung nội dung này trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

III. Nội dung về hoạt động đánh giá sự phù hợp

1. Tồn tại, vướng mắc

a) Điều 70 Luật CLSPHH và các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 13/2022/NĐ-CP) cũng đã phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các Bộ, ngành. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có sự chông chéo về quản lý giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, một số tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (ví dụ như tời điện, ra đa, bình chữa cháy, nồi hơi cùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển...).

b) Theo quy định tại Điều 25 Luật CLSPHH, *thử nghiệm, giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức thử nghiệm, giám định được chỉ định thực hiện, chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện và việc kiểm định phải do tổ chức kiểm định được chỉ định thực hiện*. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực nên hiện nay một tổ chức đánh giá sự phù hợp bị tiến hành đánh giá năng lực nhiều lần, gây tốn kém, lãng phí cho xã hội.

c) Chưa quy định cách thức xử lý, xác định kết quả thử nghiệm trọng tài (thử nghiệm kiểm chứng) đối với trường hợp khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại hoặc khi phát hiện có dấu hiệu sai về kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được chỉ định thực hiện. Điều này, trong thực tế cũng đã xảy ra trong thời gian vừa qua ví dụ như thử nghiệm phân bón, mũ bảo hiểm, thiết bị điện và điện tử, xăng dầu, quặng....

d) Theo quy định thì yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm để được Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định phải là tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, hiện nay các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực vẫn còn lúng túng trong triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạt động đánh giá sự phù hợp, trong đó có hoạt động thử nghiệm phải được xã hội hóa. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp (không phân biệt loại hình tổ chức: doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, đầu tư nước ngoài) đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP đều có quyền tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định việc thử nghiệm phục vụ cho hoạt động chứng nhận hợp quy phải được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã được công nhận hoặc được chỉ định mà bỏ qua việc quy định bắt buộc phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cần chỉnh sửa quy định về hoạt động công nhận cho phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế như mở rộng của hoạt động công nhận cho các chương trình công nhận cho tổ chức thử nghiệm thành thạo (PTP), tổ chức sản xuất mẫu chuẩn (RMP), tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân, tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng (Validation), tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận (Verification)....

d) Hoạt động đánh giá sự phù hợp và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp còn hạn chế, tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định còn ít so với nhu cầu thực tế. Việc thử nghiệm mẫu kiểm tra còn khó khăn, nhất là đối với các tổ chức, doanh nghiệp ở xa trung tâm do phải gửi xa, gây tốn kém về thời gian và tài chính.

e) Điểm c khoản 5 Điều 25 Luật CLSPHH đã quy định *tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền*. Việc đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp hiện nay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, quy định về đăng ký tại Luật CLSPHH và các văn bản hướng dẫn hiện nay chưa phù hợp cho việc chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Do đó, việc đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp cần nghiên cứu, xem xét thay đổi cách thức quản lý để phù hợp với xu thế chuyển đổi số hiện nay và hội nhập quốc tế (đặc biệt là các cam kết tại CPTPP, EVFTA, RCEP).

g) Điều 25 Luật CLSPHH quy định tổ chức đánh giá sự phù hợp *“có tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu chung đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng”*. Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chỉ quy định về yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sự phù hợp tại Điều 50, chưa quy định rõ về yêu cầu đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định, tổ chức kiểm định). Do đó, chưa có sự thống nhất giữa hai luật này.

h) Đối với các cơ sở đào tạo đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam:

Mặc dù, việc quản lý hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm (ISO/IEC 17065) và chuyên gia đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý